



# CÔNG BÁO

*Thành phố Hồ Chí Minh*

Số 252 + 253

Ngày 15 tháng 10 năm 2023

## MỤC LỤC

Trang

### PHẦN VĂN BẢN KHÁC

#### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 27-9-2023- Quyết định số 4294/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy trình giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực hoạt động xây dựng; quản lý chất lượng công trình xây dựng; lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam; lao động, tiền lương thuộc phạm vi tiếp nhận của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao.

2

## PHẦN VĂN BẢN KHÁC

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4294/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 9 năm 2023

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quy trình giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực hoạt động xây dựng; quản lý chất lượng công trình xây dựng; lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam; lao động, tiền lương thuộc phạm vi tiếp nhận của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về

*thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;*

*Căn cứ Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt phương án tái cấu trúc, đơn giản hóa thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý Khu Công nghệ cao tại Tờ trình số 15/TTr-KCNC ngày 21 tháng 7 năm 2023.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này 13 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đã được tái cấu trúc theo phương án tại Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thuộc phạm vi tiếp nhận của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao.

Danh mục và nội dung chi tiết của 13 quy trình nội bộ được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <https://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/KenhTin/Quy-trinh-noi-boTTHC.aspx>.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đã được tái cấu trúc là cơ sở để xây dựng quy trình điện tử, thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố.

2. Cơ quan, đơn vị thực hiện thủ tục hành chính có trách nhiệm:

a) Tuân thủ theo quy trình nội bộ đã được tái cấu trúc khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức; không tự đặt thêm thủ tục, giấy tờ ngoài quy định pháp luật.

b) Thường xuyên rà soát, cập nhật các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được phê duyệt mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ, bãi bỏ khi có biến động theo quy định pháp luật.

### **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Trưởng ban Ban Quản

lý Khu Công nghệ cao, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Phan Văn Mãi**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH  
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BAN QUẢN LÝ  
KHU CÔNG NGHỆ CAO**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4294/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2023  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

**DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ**

| STT                                | Tên quy trình nội bộ   |
|------------------------------------|--|
| <b>Lĩnh vực Hoạt động xây dựng</b> |  |
| 1                                  | Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng   |
| 2                                  | Cấp Giấy phép xây dựng công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)                           |
| 3                                  | Cấp Giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (Công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) |
| 4                                  | Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I và cấp II (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)                   |
| 5                                  | Cấp điều chỉnh Giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)        |
| 6                                  | Gia hạn Giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II  |

| STT   | Tên quy trình nội bộ   |
|---|--|
|   | (Công trình không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án)   |
| 7   | Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) |
| <b>Lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng</b>    |  |
| 08  | Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình   |
| <b>Lĩnh vực lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam</b> |  |
| 9   | Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam   |
| 10  | Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động   |
| 11  | Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài   |
| 12  | Gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam   |
| <b>Lĩnh vực lao động, tiền lương</b>                      |  |
| 13  | Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp  |

**QUY TRÌNH ĐÃ TÁI CẤU TRÚC**  
**QUY TRÌNH 01**

**Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Điều chỉnh**

**Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4294/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2023  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

**I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ**

| STT | Tên hồ sơ   | Số lượng | Ghi chú                              |
|-----|---|----------|--------------------------------------|
| 1   | Tờ trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng <sup>(1)</sup> (Mẫu số 01 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ).   | 01       | Bản chính                            |
| 2   | Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi và các tài liệu, văn bản pháp lý kèm theo <sup>(2)</sup> , gồm:  |          |                                      |
| 2.1 | Văn bản về chủ trương đầu tư xây dựng công trình theo quy định pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư <sup>(3)</sup> (Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp).                                     | 01       | Bản sao có chứng thực hoặc bản chính |
| 2.2 | Quyết định lựa chọn phương án thiết kế kiến trúc thông qua thi tuyển theo quy định và phương án thiết kế được lựa chọn kèm theo (nếu có yêu cầu) <sup>(4)</sup> .   | 01       | Bản sao có chứng thực hoặc bản chính |
| 2.3 | Văn bản/quyết định phê duyệt và bản vẽ kèm theo (nếu có) của một trong các loại quy hoạch sau đây: Quy hoạch chi tiết xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt; quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch; phương | 01       | Bản sao có chứng thực hoặc           |

<sup>(1)</sup> Theo khoản 3 Điều 14 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

<sup>(2)</sup> Theo khoản 3 Điều 14 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

<sup>(3)</sup> Theo điểm a khoản 3 Điều 14 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

<sup>(4)</sup> Theo điểm b khoản 3 Điều 14 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

|     |   |    |                                      |
|-----|---|----|--------------------------------------|
|     | án tuyển công trình, vị trí công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận; quy hoạch phân khu xây dựng đối với trường hợp không có yêu cầu lập quy hoạch chi tiết xây dựng <sup>(5)</sup> .   |    | bản chính                            |
| 2.4 | <p>- Văn bản ý kiến về giải pháp phòng cháy và chữa cháy của thiết kế cơ sở; văn bản kết quả thực hiện thủ tục về đánh giá tác động môi trường hoặc giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (nếu có yêu cầu theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường)<sup>(6)</sup>;</p> <p>- Các thủ tục về phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường được thực hiện theo nguyên tắc đồng thời, không yêu cầu bắt buộc xuất trình các văn bản này tại thời điểm trình hồ sơ thẩm định, nhưng phải có kết quả gửi cơ quan chuyên môn về xây dựng trước thời hạn thông báo kết quả thẩm định 05 ngày làm việc. Trường hợp chủ đầu tư có yêu cầu thực hiện thủ tục lấy ý kiến về giải pháp phòng cháy và chữa cháy của thiết kế cơ sở theo cơ chế một cửa liên thông khi thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng thì chủ đầu tư nộp bổ sung 01 bộ hồ sơ theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy<sup>(7)</sup>;</p> | 01 | Bản sao có chứng thực hoặc bản chính |
| 2.5 | Các văn bản thỏa thuận, xác nhận về đầu nối hạ tầng kỹ thuật của dự án; văn bản chấp thuận độ cao công trình theo quy định của Chính phủ về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam (trường hợp dự án không thuộc khu vực hoặc đối tượng có yêu cầu lấy ý kiến thống nhất về bề mặt quản lý độ cao công trình tại giai đoạn phê duyệt quy hoạch xây dựng) (nếu có) <sup>(8)</sup> .  | 01 | Bản sao có chứng thực hoặc bản chính |
| 2.6 | <p>Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có)<sup>(9)</sup>.</p> <p>- Hồ sơ giao thuê đất (Quyết định giao đất hoặc thỏa thuận thuê đất; Hợp đồng thuê đất; Biên bản giao đất; Bản đồ hiện trạng vị trí - cấm mốc).</p>   | 01 | Bản sao có chứng thực hoặc bản       |

<sup>(5)</sup> Theo điểm c khoản 3 Điều 14 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

<sup>(6)</sup> Theo khoản 6 Điều 12 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP.

<sup>(7)</sup> Theo khoản 6 Điều 12 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP.

<sup>(8)</sup> Theo điểm d khoản 3 Điều 14 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

<sup>(9)</sup> Theo điểm e khoản 3 Điều 14 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.



|      |  |    |                                      |
|------|--|----|--------------------------------------|
|      |  |    | chính                                |
| 2.7  | Hồ sơ khảo sát xây dựng được phê duyệt <sup>(10)</sup> .   | 01 | Bản sao có chứng thực hoặc bản chính |
| 2.8  | Thuyết minh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng; thiết kế cơ sở hoặc thiết kế khác theo thông lệ quốc tế phục vụ lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (gồm bản vẽ và thuyết minh); danh mục tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng cho dự án <sup>(11)</sup> .  | 02 | Bản chính                            |
| 2.9  | Danh sách các nhà thầu kèm theo mã số chứng chỉ năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế cơ sở, nhà thầu thẩm tra (nếu có); mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế, lập tổng mức đầu tư; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra <sup>(12)</sup> .      | 01 | Bản sao có chứng thực hoặc bản chính |
| 2.10 | Đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công có yêu cầu xem xét tổng mức đầu tư, ngoài các nội dung quy định nêu trên, hồ sơ trình thẩm định phải có các nội dung sau: tổng mức đầu tư; các thông tin, số liệu về giá, định mức có liên quan để xác định tổng mức đầu tư; báo giá, thẩm định giá (nếu có) <sup>(13)</sup> . | 01 | Bản chính                            |

**Lưu ý:**

- Bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng phải tuân thủ quy định về quy cách hồ sơ thiết kế xây dựng<sup>(14)</sup>.

- Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân phải phù hợp với loại, cấp công trình và công việc do mình thực hiện<sup>(15)</sup>.

- Đối với dự án đầu tư xây dựng chỉ cần lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng sử dụng vốn khác thì thẩm quyền thẩm định dự án đầu tư xây dựng do người quyết định đầu tư, chủ đầu tư tự tổ chức thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng, trừ các công trình cấp đặc biệt, cấp I và công trình có ảnh hưởng lớn

<sup>(10)</sup> Theo điểm g khoản 3 Điều 14 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

<sup>(11)</sup> Theo điểm g khoản 3 Điều 14 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

<sup>(12)</sup> Theo điểm h khoản 3 Điều 14 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

<sup>(13)</sup> Theo điểm i khoản 3 Điều 14 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

<sup>(14)</sup> Theo Điều 33 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

<sup>(15)</sup> Theo Chương VIII Luật Xây dựng năm 2014 và Chương VI Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

đến cảnh quan, môi trường và an toàn của cộng đồng và tự chịu trách nhiệm về nội dung thẩm định<sup>(16)</sup>.

## II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

| Nơi tiếp nhận và trả kết quả  | Thời gian xử lý  | Lệ phí (VNĐ)   |
|---|--|--|
| Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ: Lô T2-3, đường D1, phường Tân Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. | 25 ngày làm việc <sup>(17)</sup> (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công; dự án PPP; dự án có quy từ nhóm B trở lên hoặc có công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công; dự án có quy mô lớn hoặc có công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng sử dụng vốn khác <sup>(18)</sup> ) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | - Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ Tài Chính.<br>- Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023 của Bộ Tài Chính. |

## III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm                      | Thời gian      | Biểu mẫu/Kết quả                                  | Diễn giải   |
|----------------|--------------------|----------------------------------|----------------|---|---|
| B1             | Nộp hồ sơ          | Đơn vị, tổ chức                  | Giờ hành chính | Theo Mục I  | Thành phần hồ sơ theo Mục I.  |
|                | Kiểm tra hồ sơ     | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả |                | Theo Mục I<br>Theo BM01<br>Theo BM02<br>Theo BM03 | <b>1. Tiếp nhận trực tiếp:</b><br>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và chưa hợp lệ: hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM02.<br>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả trao cho người nộp hồ sơ theo |

<sup>(16)</sup> Theo điểm c khoản 5 Điều 57 Luật Xây dựng năm 2014.

<sup>(17)</sup> Theo khoản 16 Điều 1 Luật Xây dựng sửa đổi năm 2020.

<sup>(18)</sup> Theo khoản 15 Điều 1 Luật Xây dựng sửa đổi năm 2020.

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Biểu mẫu/Kết quả | Diễn giải  |
|----------------|--------------------|-------------|-----------|------------------|--|
|                |                    |             |           |                  | <p>BM01. Chuyển sang bước B2.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp không đúng thẩm quyền, không thuộc đối tượng, không đảm bảo tính pháp lý hoặc không hợp lệ: lập phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM03.</li> </ul> <p><b>2. Tiếp nhận qua Công Dịch vụ công trực tuyến:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính xác thực, hợp lệ (nếu có).</li> <li>- Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, Công chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận, cấp mã hồ sơ và xử lý hồ sơ theo quy trình.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định thì thông báo cho tổ chức, cá nhân qua tài khoản của tổ chức, cá nhân qua Công Dịch vụ công và hướng dẫn đầy đủ, cụ thể để tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo yêu cầu.</li> </ul> <p>=&gt; Thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung</p> |

| Bước công việc | Nội dung công việc   | Trách nhiệm                        | Thời gian   | Biểu mẫu/Kết quả   | Diễn giải  |
|----------------|--|------------------------------------|---|--|--|
|                |  |                                    |   |  | không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, trừ thứ 7, chủ nhật.<br>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận và chuyển hồ sơ đến chuyên viên thụ lý hồ sơ Phòng Quản lý Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường.   |
| B2             | <b>Chuyển hồ sơ</b>  | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả   | 0,25 ngày làm việc (02 giờ)                                   | Theo Mục I Theo BM01   | Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo Phòng Quản lý Quy hoạch, Xây dựng và Môi trường.   |
| B3             | <b>Thẩm định, lấy ý kiến của các cơ quan (nếu có), tổng hợp và đề xuất kết quả giải quyết TTHC</b> | Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC | 5,5 ngày làm việc <sup>(19)</sup> (đổi với hồ sơ chưa hợp lệ) | Theo Mục I; Theo BM01; Hồ sơ trình:<br>- Phiếu trình.<br>- Dự thảo văn bản bổ sung, hoàn thiện hồ sơ hoặc văn bản lấy ý kiến hoặc văn bản trả lại hồ sơ. | Chuyên viên thụ lý hồ sơ tiến hành thẩm định hồ sơ, tổng hợp và đề xuất kết quả giải quyết TTHC:<br>- Trường hợp hồ sơ còn thiếu cần bổ sung hoặc cần lấy ý kiến hoặc trả lại hồ sơ: trong vòng <b>05 ngày làm việc</b> soạn Phiếu trình và dự thảo văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ hoặc văn bản lấy ý kiến hoặc văn bản trả lại hồ sơ. Chuyển sang bước B3.1 và B3.2. |

<sup>(19)</sup> Theo khoản 1 Điều 15 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

| <b>Bước công việc</b> | <b>Nội dung công việc</b> | <b>Trách nhiệm</b>  | <b>Thời gian</b>                        | <b>Biểu mẫu/Kết quả</b>  | <b>Diễn giải</b>   |
|-----------------------|---------------------------|---|---|--|--|
|                       |                           |   | 20 ngày làm việc (đối với hồ sơ hợp lệ) | Theo mục I; Theo BM01; Hồ sơ trình:<br>- Phiếu trình.<br>- Dự thảo văn bản thông báo kết quả thẩm định theo BM05.  | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: soạn Phiếu trình và dự thảo văn bản thông báo kết quả thẩm định. Chuyển sang bước B4.<br>- Trình Lãnh đạo Phòng Quản lý Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường xem xét, ký duyệt. |
| B3.1                  | <b>Xem xét, ký nháy</b>   | Lãnh đạo Phòng Quản lý Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường | 02 ngày làm việc                        | Theo mục I; Theo BM01; Hồ sơ trình:<br>- Phiếu trình.<br>- Văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ hoặc văn bản lấy ý kiến hoặc văn bản trả lại hồ sơ. | Lãnh đạo Phòng Quản lý Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường xem xét hồ sơ ký nháy trình Lãnh đạo Ban Quản lý ký duyệt. Chuyển sang bước B3.2.  |
| B3.2                  | <b>Ký duyệt</b>           | Lãnh đạo Ban Quản lý                                      | 02 ngày làm việc                        | Theo mục I; Theo BM01; Hồ sơ trình:<br>- Phiếu trình.<br>- Văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ hoặc văn bản lấy ý kiến hoặc văn bản trả lại hồ sơ. | Xem xét ký duyệt hồ sơ của Lãnh đạo Ban Quản lý. Chuyển sang bước B6.  |

| <b>Bước công việc</b>  | <b>Nội dung công việc</b>                | <b>Trách nhiệm</b>   | <b>Thời gian</b> | <b>Biểu mẫu/Kết quả</b>   | <b>Diễn giải</b>  |
|--|--|--|------------------|---|---|
| <p>Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan chuyên môn về xây dựng, nếu người đề nghị thẩm định không thực hiện việc bổ sung hồ sơ thì cơ quan chuyên môn về xây dựng dừng việc thẩm định, người đề nghị thẩm định trình thẩm định lại khi có yêu cầu<sup>(20)</sup>.</p> |  |  |                  |   |   |
| B4   | <b>Xem xét, trình ký</b>                 | Lãnh đạo Phòng Quản lý Quy hoạch và Môi trường<br>- Xây dựng và Môi trường | 02 ngày làm việc | Theo mục I;<br>Theo BM01;<br>Hồ sơ trình:<br>- Phiếu trình.<br>- Văn bản thông báo kết quả thẩm định theo BM05. | - Lãnh đạo Phòng Quản lý Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường xem xét hồ sơ ký nháy trình Lãnh đạo Ban Quản lý ký duyệt. Chuyển sang bước B5. |
| B5   | <b>Ký duyệt</b>                          | Lãnh đạo Ban Quản lý   | 02 ngày làm việc | Theo mục I;<br>Theo BM01;<br>Hồ sơ trình:<br>- Phiếu trình.<br>- Văn bản thông báo kết quả thẩm định theo BM05. | - Xem xét ký duyệt hồ sơ của Lãnh đạo Ban Quản lý. Chuyển sang bước B6.   |
| B6   | <b>Phát hành văn bản</b>                 | Văn thư Ban Quản lý  | 02 giờ làm việc  | Kết quả giải quyết TTHC.  | - Lấy số, phô tô, đóng dấu và phát hành kết quả giải quyết TTHC. Chuyển sang bước B7.   |
| B7   | <b>Trả kết quả, thống kê và theo dõi</b> | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý                             | Theo Giấy hẹn    | Kết quả giải quyết TTHC.  | - Trả kết quả cho Tổ chức, đơn vị.<br>- Thống kê, theo dõi, lưu trữ hồ sơ theo quy định.  |

**Ghi chú:**

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi tiếp nhận hồ sơ thẩm định, cơ quan chuyên môn về xây dựng có trách nhiệm: (i) Xem xét, gửi văn bản yêu cầu bổ sung

<sup>(20)</sup> Theo khoản 3 Điều 15 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

hồ sơ trình thẩm định đến người đề nghị thẩm định (nếu cần, việc yêu cầu bổ sung hồ sơ chỉ được yêu cầu một lần trong quá trình thẩm định). Trường hợp cần lấy ý kiến phối hợp của các cơ quan, tổ chức có liên quan, cơ quan chuyên môn về xây dựng yêu cầu người trình thẩm định bổ sung hồ sơ đối với những nội dung lấy ý kiến<sup>(21)</sup>; (ii) Trả lại hồ sơ thẩm định trong trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 15/2221/NĐ-CP<sup>(22)</sup>; (iii) Gửi văn bản đến các cơ quan có thẩm quyền về phòng cháy chữa cháy để thực hiện lấy ý kiến về giải pháp phòng cháy, chữa cháy của thiết kế cơ sở trong trường hợp chủ đầu tư có yêu cầu<sup>(23)</sup>.

- Trong quá trình thẩm định, cơ quan chuyên môn về xây dựng có quyền tạm dừng thẩm định (không quá 01 lần) và thông báo kịp thời đến người đề nghị thẩm định các lỗi, sai sót về thông tin, số liệu trong nội dung hồ sơ dẫn đến không thể đưa ra kết luận thẩm định. Trường hợp các lỗi, sai sót nêu trên không thể khắc phục được trong thời hạn 20 ngày thì cơ quan chuyên môn về xây dựng dừng việc thẩm định, người đề nghị thẩm định trình thẩm định lại khi có yêu cầu<sup>(24)</sup>.

- Trong quá trình thẩm định, trường hợp cần thiết, cơ quan chuyên môn về xây dựng được yêu cầu người đề nghị thẩm định lựa chọn tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực để thẩm tra các nội dung cần thiết phục vụ thẩm định<sup>(25)</sup>.

#### IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

| STT | Mã hiệu | Tên biểu mẫu  |
|-----|---------|---|
| 1   | BM 01   | Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).                             |
| 2   | BM 02   | Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).                             |
| 3   | BM 03   | Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).                            |
| 4   | BM 04   | Tờ trình thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (Mẫu số 01 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021).           |
| 5   | BM 05   | Thông báo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (Mẫu số 02 tại Phụ lục VI kèm theo Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023). |

<sup>(21)</sup> Theo điểm a khoản 1 Điều 15 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

<sup>(22)</sup> Theo điểm b khoản 1 Điều 15 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

<sup>(23)</sup> Theo điểm c khoản 1 Điều 15 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

<sup>(24)</sup> Theo khoản 5 Điều 15 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

<sup>(25)</sup> Theo khoản 8 Điều 15 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

**V. HỒ SƠ CẦN LƯU**

| <b>STT</b> | <b>Mã hiệu</b> | <b>Tên biểu mẫu</b>  |
|------------|----------------|--|
| 1          | BM 01          | Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).  |
| 2          | BM 02          | Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).  |
| 3          | BM 03          | Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018). |
| 4          |                | Theo Mục I.  |
| 5          |                | Kết quả giải quyết TTHC.   |
| 6          |                | Các hồ sơ bổ sung và hồ sơ khác theo quy định hiện hành (nếu có).  |

**VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ**

- Luật số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 Luật Xây dựng (có hiệu lực từ ngày 01/01/2015);

- Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng (có hiệu lực từ ngày 01/01/2021);

- Luật số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 Luật Bảo vệ môi trường (có hiệu lực từ ngày 01/01/2022);

- Nghị định 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy (có hiệu lực từ ngày 10/01/2021);

- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;



- Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường; Thông tư số 04/2023/TT-BTNMT ngày 06/7/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định ngưng hiệu lực thi hành khoản 1 Điều 7 và khoản 2 Điều 75 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022;

- Thông tư 28/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng;

- Thông tư 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp;

- Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

- Quyết định số 1324/QĐ-UBND ngày 22/4/2022 về công bố danh mục thủ tục hành chính các lĩnh vực Hoạt động xây dựng; Quản lý chất lượng công trình xây dựng; Lao động tiền lương; Người nước ngoài làm việc tại Việt Nam; Thương mại quốc tế thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao.

**BM 01**

*(Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ)*

TÊN CẤP TỈNH (hoặc) BỘ,  
NGÀNH/CẤP HUYỆN/CẤP XÃ  
**TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH  
CHÍNH CÔNG (hoặc) BỘ PHẬN TIẾP  
NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../TTPVHCC (BPTNTKQ)

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ**  
**Mã hồ sơ:.....**

Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả:.....

Tiếp nhận hồ sơ của: .....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại: ..... Email: .....

Nội dung yêu cầu giải quyết: .....

Thành phần hồ sơ nộp gồm:

1 .....

2 .....

3 .....

4 .....

Số lượng hồ sơ: ..... (bộ)

Thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định là: ..... ngày

Thời gian nhận hồ sơ: ....giờ.... phút, ngày ... tháng ...năm....

Thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ:.... giờ..., phút, ngày ... tháng....năm....

Đăng ký nhận kết quả tại: .....

Vào Sổ theo dõi hồ sơ, Quyển số:..... Số thứ tự.....

**NGƯỜI NỘP HỒ SƠ**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ**  
(Ký và ghi rõ họ tên)  
(Chữ ký số của Người tiếp nhận hồ sơ nếu là  
biểu mẫu điện tử)

***Ghi chú:***

- Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả được lập thành 2 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa;

- Tổ chức, cá nhân có thể đăng ký nhận kết quả tại Bộ phận Một cửa hoặc tại nhà (trụ sở tổ chức) qua dịch vụ bưu chính.

**BM 02**

*(Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP  
ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ)*

TÊN CẤP TỈNH (hoặc) BỘ,  
NGÀNH/CẤP HUYỆN/CẤP XÃ  
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH  
CHÍNH CÔNG (hoặc) BỘ PHẬN TIẾP  
NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../HDHS

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**PHIẾU YÊU CẦU BỔ SUNG, HOÀN THIỆN HỒ SƠ**

Hồ sơ của:.....

Nội dung yêu cầu giải quyết: .....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại: ..... Email: .....

Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ gồm những nội dung sau:

1 .....

Lý do: .....

Trong quá trình hoàn thiện hồ sơ nếu có vướng mắc, Ông/Bà liên hệ với  
..... số điện thoại ..... để được hướng dẫn./.

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*(Chữ ký số của Người hướng dẫn nếu là  
biểu mẫu điện tử)*

**BM 03**

*(Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP  
ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ)*

TÊN CẤP TỈNH (hoặc) BỘ,  
NGÀNH/CẤP HUYỆN/CẤP XÃ  
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH  
CHÍNH CÔNG (hoặc) BỘ PHẬN TIẾP  
NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TTPVHCC (BPTNTKQ)

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**PHIẾU TỪ CHỐI TIẾP NHẬN GIẢI QUYẾT HỒ SƠ**

Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa: .....

Tiếp nhận hồ sơ của: .....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại: ..... Email: .....

Nội dung yêu cầu giải quyết:.....

Qua xem xét, Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thông báo không tiếp nhận, giải quyết hồ sơ này với lý do cụ thể như sau: .....

.....

.....

.....

Xin thông báo cho Ông/Bà được biết và thực hiện./.

**NGƯỜI NỘP HỒ SƠ**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*(Chữ ký số của Người tiếp nhận hồ sơ nếu  
là biểu mẫu điện tử)*

**Ghi chú:** Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Phiếu được lập thành 2 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả.

**BM 04**

*(Mẫu số 01 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP  
ngày 03/3/2021 của Chính phủ)*

**TÊN TỔ CHỨC**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số: .....

....., ngày ... tháng ... năm ...

**TỜ TRÌNH****Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng**

Kính gửi: (Cơ quan chuyên môn về xây dựng).

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số /2021/NĐ-CP ngày tháng 03 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan .....

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung chính sau:

**I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN**

1. Tên dự án:
2. Loại, nhóm dự án:
3. Loại và cấp công trình chính; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế.
4. Người quyết định đầu tư:
5. Chủ đầu tư (nếu có) hoặc tên đại diện tổ chức và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):
6. Địa điểm xây dựng:
7. Giá trị tổng mức đầu tư:
8. Nguồn vốn đầu tư: ..... (xác định và ghi rõ: vốn đầu tư công/vốn nhà nước

ngoài đầu tư công/vốn khác/thực hiện theo phương thức PPP)

9. Thời gian thực hiện:
10. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
11. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi:
12. Nhà thầu khảo sát xây dựng:
13. Các thông tin khác (nếu có):

## II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BÁO CÁO

1. Văn bản pháp lý: liệt kê các văn bản pháp lý có liên quan theo quy định tại khoản 3 Điều 14 của Nghị định này.

2. Tài liệu khảo sát, thiết kế, tổng mức đầu tư:

- Hồ sơ khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án;
- Thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi (bao gồm tổng mức đầu tư; Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật chủ yếu được lựa chọn áp dụng).
- Thiết kế cơ sở bao gồm bản vẽ và thuyết minh.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Mã số chứng chỉ năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế cơ sở, nhà thầu thẩm tra (nếu có);
- Mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra;
- Giấy phép hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài (nếu có).

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung nêu trên.

### ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:...

**BM 05**

*(Mẫu số 02 tại Phụ lục VI kèm theo Nghị định số 35/2023/NĐ-CP  
ngày 20/6/2023 của Chính phủ)*

**CƠ QUAN CHUYÊN MÔN  
VỀ XÂY DỰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày ... tháng ... năm ... ..

V/v thông báo kết quả thẩm định Báo  
cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây  
dựng...(tên dự án)

Kính gửi: (Tên đơn vị trình).

(Cơ quan chuyên môn về xây dựng) đã nhận văn bản số ... ngày ... tháng ... năm ... của  
..... trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng...(tên dự án).

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo  
Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số  
62/2020/QH14;

Căn cứ ... (văn bản quy phạm pháp luật quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng);

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Sau khi xem xét, (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) thông báo kết quả thẩm định báo  
cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng... (tên dự án) như sau:

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN**

1. Tên dự án:
2. Nhóm dự án, loại, cấp, thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính thuộc dự  
án:
3. Người quyết định đầu tư:
4. Tên chủ đầu tư (nếu có) và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):
5. Địa điểm xây dựng:
6. Giá trị tổng mức đầu tư xây dựng:
7. Nguồn vốn đầu tư:



8. Thời gian thực hiện:
9. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
10. Nhà thầu lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng:
11. Nhà thầu khảo sát xây dựng:
12. Nhà thầu thẩm tra (nếu có):
13. Các thông tin khác (nếu có):

## II. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

1. Văn bản pháp lý:

(Liệt kê các văn bản pháp lý và văn bản khác có liên quan của dự án)

2. Hồ sơ, tài liệu dự án, khảo sát, thiết kế, thẩm tra (nếu có):
3. Hồ sơ năng lực các nhà thầu:

## III. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

Ghi tóm tắt về nội dung cơ bản của hồ sơ thiết kế cơ sở của dự án trình thẩm định được gửi kèm theo Tờ trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của tổ chức trình thẩm định.

(Riêng đối với công trình xây dựng có kết cấu dạng nhà thuộc dự án cần thể hiện được các nội dung, thông số chủ yếu của công trình gồm diện tích xây dựng, mật độ xây dựng, tổng diện tích sàn xây dựng, hệ số sử dụng đất, số tầng cao, chiều cao công trình, chỉ giới xây dựng công trình, bố trí công năng công trình)

## IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

1. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế cơ sở; điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân hành nghề xây dựng.
2. Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với quy hoạch xây dựng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch hoặc phương án tuyến công trình, vị trí công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.
3. Sự phù hợp của dự án với chủ trương đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận; với chương trình, kế hoạch thực hiện, các yêu cầu khác của dự án theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu có).

Đối với dự án mà nhà đầu tư đã trúng đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, trúng đấu giá

quyền sử dụng đất thuộc trường hợp được chuyển tiếp theo quy định tại khoản 2 Điều 77 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 không có yêu cầu phải chấp thuận chủ trương đầu tư, cơ quan thẩm định đánh giá sự phù hợp của dự án với các nội dung yêu cầu tại văn bản quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá, văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư.

Đối với dự án đầu tư xây dựng khu đô thị cần có đánh giá về kế hoạch xây dựng, hoàn thành các công trình hạ tầng kỹ thuật trước khi đưa các công trình nhà ở và công trình khác vào sử dụng; sự phù hợp của kế hoạch xây dựng của dự án thành phần hoặc giai đoạn thực hiện dự án đối với dự án tổng thể trong trường hợp trình thẩm định theo dự án thành phần hoặc phân kỳ đầu tư.

4. Khả năng kết nối hạ tầng kỹ thuật khu vực; khả năng đáp ứng hạ tầng kỹ thuật và việc phân giao trách nhiệm quản lý các công trình theo quy định của pháp luật có liên quan đối với dự án đầu tư xây dựng khu đô thị.

5. Sự phù hợp của giải pháp thiết kế cơ sở về bảo đảm an toàn xây dựng; việc thực hiện các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường.

6. Sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và áp dụng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

7. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về xác định tổng mức đầu tư xây dựng (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công).

## V. KẾT LUẬN

Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng... (tên dự án) đủ điều kiện/chưa đủ điều kiện/chỉ đủ điều kiện sau khi hoàn thiện các nội dung yêu cầu để trình tổng hợp, phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo.

Yêu cầu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện (nếu có).

Trên đây là thông báo của (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) về kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng... (tên dự án). Đề nghị chủ đầu tư nghiên cứu thực hiện theo quy định.

### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- ...;
- ...;
- Lưu:...

**CƠ QUAN CHUYÊN MÔN VỀ XÂY DỰNG**  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

**QUY TRÌNH ĐÃ TÁI CẤU TRÚC****QUY TRÌNH 02****Cấp giấy phép xây dựng cho dự án (cấp mới)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4294/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

**I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ**

| STT | Tên hồ sơ   | Số lượng | Ghi chú                              |
|-----|---|----------|--------------------------------------|
| 1   | Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng <sup>(1)</sup> (Mẫu số 01 Phụ lục II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ).   | 01       | Bản chính                            |
| 2   | Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai của nhóm công trình hoặc toàn bộ dự án <sup>(2)</sup> (Quyết định giao đất hoặc thỏa thuận thuê đất; Hợp đồng thuê đất; Biên bản giao đất; Bản đồ hiện trạng vị trí - cắm mốc). | 01       | Bản sao có chứng thực hoặc bản chính |
| 3   | Quyết định phê duyệt dự án <sup>(3)</sup> (Mẫu số 03 Phụ lục VI Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ hoặc Mẫu số 03a Phụ lục VI Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ).  | 01       | Bản sao có chứng thực hoặc bản chính |
| 4   | Văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có) <sup>(4)</sup> .   | 01       | Bản sao có chứng thực hoặc bản chính |
| 5   | Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ <sup>(5)</sup> .   | 01       | Bản chính                            |
| 6   | Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy và các tài liệu, bản vẽ được   | 01       | Bản sao có chứng thực                |

<sup>(1)</sup> Theo khoản 1 Điều 45 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

<sup>(2)</sup> Theo khoản 2 Điều 45 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

<sup>(3)</sup> Theo điểm c khoản 1 Điều 43 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

<sup>(4)</sup> Theo điểm c khoản 1 Điều 43 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

<sup>(5)</sup> Theo điểm c khoản 1 Điều 43 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

|   |   |    |                                      |
|---|---|----|--------------------------------------|
|   | thẩm duyệt kèm theo theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy <sup>(6)</sup> .   |    | hoặc bản chính                       |
| 7 | Văn bản kết quả thực hiện thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với trường hợp không thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng <sup>(7)</sup> .   | 01 | Bản sao có chứng thực hoặc bản chính |
| 8 | Bộ vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, gồm:<br>- Đối với công trình không theo tuyến: bản vẽ tổng mặt bằng toàn dự án, mặt bằng định vị công trình trên lô đất; bản vẽ kiến trúc các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình; bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng; các bản vẽ thể hiện giải pháp kết cấu chính của công trình; bản vẽ mặt bằng đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình, dự án <sup>(8)</sup> .<br>- Đối với công trình theo tuyến: sơ đồ vị trí tuyến công trình; bản vẽ mặt bằng tổng thể hoặc bản vẽ bình đồ công trình; bản vẽ các mặt cắt dọc và mặt cắt ngang chủ yếu của tuyến công trình; bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng; các bản vẽ thể hiện giải pháp kết cấu chính của công trình; bản vẽ mặt bằng đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình, dự án <sup>(9)</sup> . | 02 | Bản chính                            |

**Lưu ý:**

- Bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng phải tuân thủ quy định về quy cách hồ sơ thiết kế xây dựng<sup>(10)</sup>.
- Thiết kế xây dựng phải được thẩm định, phê duyệt theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014<sup>(11)</sup>.
- Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân phải phù hợp với loại, cấp công trình và công việc do mình thực hiện<sup>(12)</sup>.

<sup>(6)</sup> Theo điểm c khoản 1 Điều 43 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

<sup>(7)</sup> Theo điểm c khoản 1 Điều 43 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

<sup>(8)</sup> Theo điểm d khoản 1 Điều 43 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

<sup>(9)</sup> Theo điểm d khoản 2 Điều 43 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

<sup>(10)</sup> Theo Điều 33 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

<sup>(11)</sup> Theo khoản 5 Điều 79 Luật Xây dựng năm 2014.

<sup>(12)</sup> Theo Chương VIII Luật Xây dựng năm 2014 và Chương VI Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

**II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ**

| <b>Nơi tiếp nhận và trả kết quả</b>   | <b>Thời gian xử lý</b>  | <b>Lệ phí</b>                          |
|---|---|--|
| Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ: Lô T2-3, đường D1, phường Tân Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. | Trong thời hạn 20 ngày làm việc <sup>(13)</sup> kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ. | 150.000 đồng/giấy phép <sup>(14)</sup> |

**III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC**

| <b>Bước công việc</b> | <b>Nội dung công việc</b> | <b>Trách nhiệm</b>               | <b>Thời gian</b> | <b>Biểu mẫu/Kết quả</b>                           | <b>Diễn giải</b>  |
|-----------------------|---------------------------|----------------------------------|------------------|---|---|
| B1                    | <b>Nộp hồ sơ</b>          | Đơn vị, tổ chức                  | Giờ hành chính   | Theo Mục I  | Thành phần hồ sơ theo Mục I.  |
|                       | <b>Kiểm tra hồ sơ</b>     | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả |                  | Theo Mục I<br>Theo BM01<br>Theo BM02<br>Theo BM03 | <p><b>1. Tiếp nhận trực tiếp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và chưa hợp lệ: hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM02.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả trao cho người nộp hồ sơ theo BM01. Chuyển sang bước B2.</li> <li>- Trường hợp không đúng thẩm quyền, không thuộc đối</li> </ul> |

<sup>(13)</sup> Theo điểm b khoản 36 Điều 1 Luật Xây dựng sửa đổi năm 2020.

<sup>(14)</sup> Theo Nghị quyết số 18/2017/NQ-HĐND ngày 07/02/2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa IX, kỳ họp thứ sáu.

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Biểu mẫu/Kết quả | Diễn giải  |
|----------------|--------------------|-------------|-----------|------------------|--|
|                |                    |             |           |                  | <p>tượng, không đảm bảo tính pháp lý hoặc không hợp lệ: lập phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM03.</p> <p><b>2. Tiếp nhận qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính xác thực, hợp lệ (nếu có).</li> <li>- Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, Công chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận, cấp mã hồ sơ và xử lý hồ sơ theo quy trình.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định thì thông báo cho tổ chức, cá nhân qua tài khoản của tổ chức, cá nhân qua Cổng Dịch vụ công và hướng dẫn đầy đủ, cụ thể để tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo yêu cầu.</li> </ul> <p>=&gt; Thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không muộn</p> |

| Bước công việc | Nội dung công việc  | Trách nhiệm                        | Thời gian  | Biểu mẫu/Kết quả  | Diễn giải   |
|----------------|---|------------------------------------|--|---|---|
|                |   |                                    |  |   | hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, trừ thứ 7, chủ nhật.<br>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận và chuyển hồ sơ đến chuyên viên thụ lý hồ sơ Phòng Quản lý Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường.   |
| B2             | <b>Chuyển hồ sơ</b>   | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả   | 0,25 ngày làm việc (02 giờ)                                    | Theo Mục I Theo BM01  | Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo Phòng Quản lý Quy hoạch, Xây dựng và Môi trường.  |
| B3             | <b>Xem xét hồ sơ, kiểm tra thực địa, lấy ý kiến của các cơ quan (nếu có), tổng hợp và đề xuất kết quả giải quyết TTHC</b> | Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC | 7,5 ngày làm việc <sup>(15)</sup> (đối với hồ sơ chưa hợp lệ). | Theo Mục I; Theo BM01; Hồ sơ trình:<br>- Phiếu trình.<br>- Dự thảo văn bản thông báo yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. | Trong thời hạn <b>07 ngày làm việc</b> kể từ ngày nhận được hồ sơ, chuyên viên thụ lý hồ sơ tiến hành thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực địa, tổng hợp và đề xuất kết quả giải quyết TTHC. Khi thẩm định hồ sơ, chuyên viên xác định tài liệu còn thiếu, tài liệu không đúng theo quy định hoặc không đúng với thực tế: soạn Phiếu trình và dự thảo văn bản thông báo yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Chuyển sang bước B3.1 và B3.2. |

<sup>(15)</sup> Theo điểm c khoản 1 Điều 102 Luật Xây dựng năm 2014.

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian   | Biểu mẫu/Kết quả  | Diễn giải   |
|----------------|--------------------|-------------|---|---|---|
|                |                    |             | 5 ngày làm việc <sup>(16)</sup><br>(đối với hồ sơ bổ sung chưa đáp ứng được yêu cầu)      | Theo Mục I; Theo BM01; Hồ sơ trình:<br>- Phiếu trình.<br>- Dự thảo văn bản thông báo hướng dẫn tiếp tục hoàn thiện hồ sơ.   | - Trường hợp hồ sơ bổ sung chưa đáp ứng được yêu cầu theo văn bản thông báo thì trong thời hạn <b>05 ngày làm việc</b> : soạn Phiếu trình và dự thảo văn bản thông báo hướng dẫn cho chủ đầu tư tiếp tục hoàn thiện hồ sơ. Chuyển sang bước B3.1 và B3.2. |
|                |                    |             | 3 ngày làm việc <sup>(17)</sup><br>(đối với hồ sơ bổ sung vẫn không đáp ứng được yêu cầu) | Theo Mục I; Theo BM01; Hồ sơ trình:<br>- Phiếu trình.<br>- Dự thảo văn bản thông báo về lý do không cấp giấy phép xây dựng. | - Trường hợp việc bổ sung hồ sơ vẫn không đáp ứng được các nội dung theo thông báo thì trong thời hạn <b>03 ngày làm việc</b> : soạn Phiếu trình và dự thảo văn bản thông báo đến chủ đầu tư về lý do không cấp giấy phép. Chuyển sang bước B3.1 và B3.2. |
|                |                    |             | 15 ngày làm việc<br>(đối với hồ sơ hợp lệ)  | Theo Mục I; Theo BM01; Hồ sơ trình:<br>- Phiếu trình.<br>- Dự thảo giấy phép xây dựng theo BM08.                            | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: soạn Phiếu trình và dự thảo giấy phép xây dựng. Chuyển sang bước B4.<br><br>- Trình Lãnh đạo Phòng Quản lý Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường xem xét, ký duyệt.   |

<sup>(16)</sup> Theo điểm c khoản 1 Điều 102 Luật Xây dựng năm 2014.

<sup>(17)</sup> Theo điểm c khoản 1 Điều 102 Luật Xây dựng năm 2014.



| <b>Bước công việc</b> | <b>Nội dung công việc</b> | <b>Trách nhiệm</b>  | <b>Thời gian</b> | <b>Biểu mẫu/Kết quả</b>   | <b>Diễn giải</b>   |
|-----------------------|---------------------------|---|------------------|---|--|
| B3.1                  | <b>Xem xét, ký nháy</b>   | Lãnh đạo Phòng Quản lý Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường | 02 ngày làm việc | Theo mục I;<br>Theo BM01;<br>Hồ sơ trình:<br>- Phiếu trình.<br>- Văn bản bổ sung, hoàn thiện hồ sơ hoặc lý do không cấp giấy phép xây dựng. | Lãnh đạo Phòng Quản lý Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường xem xét hồ sơ ký nháy trình Lãnh đạo Ban Quản lý ký duyệt. Chuyển sang bước B3.2.                    |
| B3.2                  | <b>Ký duyệt</b>           | Lãnh đạo Ban Quản lý                                      | 02 ngày làm việc | Theo Mục I;<br>Theo BM01;<br>Hồ sơ trình:<br>- Phiếu trình.<br>- Văn bản bổ sung, hoàn thiện hồ sơ hoặc lý do không cấp giấy phép xây dựng. | Xem xét ký duyệt hồ sơ của Lãnh đạo Ban Quản lý. Chuyển sang bước B6.  |
| B4                    | <b>Xem xét, trình ký</b>  | Lãnh đạo Phòng Quản lý Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường | 02 ngày làm việc | Theo Mục I;<br>Theo BM01;<br>Hồ sơ trình:<br>- Phiếu trình.<br>- Giấy phép xây dựng theo BM08.  | - Lãnh đạo Phòng Quản lý Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường xem xét hồ sơ ký nháy trình Lãnh đạo Ban Quản lý ký duyệt giấy phép xây dựng. Chuyển sang bước B5. |
| B5                    | <b>Ký duyệt</b>           | Lãnh đạo Ban Quản lý                                      | 02 ngày làm việc | Theo Mục I;<br>Theo BM01;<br>Hồ sơ trình:<br>- Phiếu trình.<br>- Giấy phép  | - Xem xét ký duyệt hồ sơ giấy phép xây dựng của Lãnh đạo Ban Quản lý. Chuyển sang bước B6.   |

| Bước công việc | Nội dung công việc                       | Trách nhiệm                                    | Thời gian       | Biểu mẫu/Kết quả         | Diễn giải  |
|----------------|--|--|-----------------|--------------------------|--|
|                |  |  |                 | xây dựng theo BM08.      |  |
| B6             | <b>Phát hành văn bản</b>                 | Văn thư Ban Quản lý                            | 02 giờ làm việc | Kết quả giải quyết TTHC. | - Lấy số, phô tô, đóng dấu và phát hành kết quả giải quyết TTHC. Chuyển sang bước B7.    |
| B7             | <b>Trả kết quả, thống kê và theo dõi</b> | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý | Theo Giấy hẹn   | Kết quả giải quyết TTHC. | - Trả kết quả cho Tổ chức, đơn vị.<br>- Thống kê, theo dõi, lưu trữ hồ sơ theo quy định. |

**Ghi chú:**

- Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng có trách nhiệm đối chiếu các điều kiện theo quy định của Luật Xây dựng sửa đổi năm 2020 để gửi văn bản lấy ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước về những lĩnh vực liên quan đến công trình xây dựng theo quy định của pháp luật<sup>(18)</sup>.

- Trong thời gian 12 ngày đối với công trình kể từ ngày nhận được hồ sơ, các cơ quan quản lý nhà nước được hỏi ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về những nội dung thuộc chức năng quản lý của mình. Sau thời hạn trên, nếu các cơ quan này không có ý kiến thì được coi là đã đồng ý và phải chịu trách nhiệm về những nội dung thuộc chức năng quản lý của mình; cơ quan cấp giấy phép xây dựng căn cứ các quy định hiện hành để quyết định việc cấp giấy phép xây dựng<sup>(19)</sup> (Thời gian lấy ý kiến không tính vào thời gian xử lý giải quyết thủ tục hành chính).

**IV. BIỂU MẪU**

Các Biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc.

| STT | Mã hiệu | Tên Biểu mẫu   |
|-----|---------|--|
| 1   | BM 01   | Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).  |
| 2   | BM 02   | Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).  |
| 3   | BM 03   | Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018). |

<sup>(18)</sup> Theo điểm a khoản 36 Điều 1 Luật Xây dựng sửa đổi năm 2020.

<sup>(19)</sup> Theo điểm đ khoản 1 Điều 102 Luật Xây dựng năm 2014.

|   |       |  |
|---|-------|--|
| 4 | BM 04 | Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng (Mẫu số 01 Phụ lục II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021).   |
| 5 | BM 05 | Quyết định phê duyệt dự án (Mẫu số 03 <sup>(20)</sup> Phụ lục VI Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023).   |
| 6 | BM 06 | Quyết định phê duyệt dự án (Mẫu số 03a <sup>(21)</sup> Phụ lục VI Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023).  |
| 7 | BM 07 | Quyết định phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của Chủ đầu tư (Mẫu số 07 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021). |
| 8 | BM 08 | Giấy phép xây dựng (Mẫu số 08 Phụ lục II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021).   |

## V. HỒ SƠ CẦN LƯU

| STT | Mã hiệu | Tên biểu mẫu   |
|-----|---------|--|
| 1   | BM 01   | Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).  |
| 2   | BM 02   | Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).  |
| 3   | BM 03   | Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018). |
| 4   |         | Theo Mục I.  |
| 5   |         | Kết quả giải quyết TTHC.   |
| 6   |         | Các hồ sơ bổ sung và hồ sơ khác theo quy định hiện hành (nếu có).  |

## VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 Luật Xây dựng (có hiệu lực từ ngày 01/01/2015);

- Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng (có hiệu lực từ ngày 01/01/2021);

- Luật số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 Luật Bảo vệ môi trường (có hiệu lực từ ngày 01/01/2022);

- Nghị định 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi bổ sung

<sup>(20)</sup> Mẫu số 03. Quyết định phê duyệt dự án đối với dự án yêu cầu lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng.

<sup>(21)</sup> Mẫu số 03a. Quyết định phê duyệt dự án đối với dự án chỉ cần lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.

một số Điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy (có hiệu lực từ ngày 10/01/2021);

- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

- Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường; Thông tư số 04/2023/TT-BTNMT ngày 06/7/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định ngưng hiệu lực thi hành khoản 1 Điều 7 và khoản 2 Điều 75 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022;

- Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

- Nghị quyết số 18/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và Công văn số 11042/SXD-VP ngày 12/9/2018 của Sở Xây dựng;

- Quyết định số 1324/QĐ-UBND ngày 22/4/2022 về công bố danh mục thủ tục hành chính các lĩnh vực Hoạt động xây dựng; Quản lý chất lượng công trình xây dựng; Lao động tiền lương; Người nước ngoài làm việc tại Việt Nam; Thương mại quốc tế thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao;

---

- Quyết định số 26/2017/QĐ-UBND ngày 20/6/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về Quy định một số nội dung về cấp phép xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

**BM 01**

*(Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP  
ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ)*

TÊN CẤP TỈNH (hoặc) BỘ,  
NGÀNH/CẤP HUYỆN/CẤP XÃ  
**TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH  
CHÍNH CÔNG (hoặc) BỘ PHẬN TIẾP  
NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../TTPVHCC (BPTNTKQ)

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ**

Mã hồ sơ:.....

Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả:.....

Tiếp nhận hồ sơ của: .....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại: ..... Email: .....

Nội dung yêu cầu giải quyết: .....

Thành phần hồ sơ nộp gồm:

1 .....

2 .....

3 .....

4 .....

Số lượng hồ sơ: ..... (bộ)

Thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định là: ..... ngày

Thời gian nhận hồ sơ: ... giờ... phút, ngày ... tháng ... năm....

Thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ: ... giờ..., phút, ngày ... tháng.... năm....

Đăng ký nhận kết quả tại: .....

Vào Sổ theo dõi hồ sơ, Quyển số: ..... Số thứ tự.....

**NGƯỜI NỘP HỒ SƠ**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*(Chữ ký số của Người tiếp nhận hồ sơ nếu là  
biểu mẫu điện tử)*

***Ghi chú:***

- Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả được lập thành 2 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa;

- Tổ chức, cá nhân có thể đăng ký nhận kết quả tại Bộ phận Một cửa hoặc tại nhà (trụ sở tổ chức) qua dịch vụ bưu chính.

**BM 02**

*(Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ)*

TÊN CẤP TỈNH (hoặc) BỘ,  
NGÀNH/CẤP HUYỆN/CẤP XÃ  
**TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH  
CHÍNH CÔNG (hoặc) BỘ PHẬN TIẾP  
NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../HDHS

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**PHIẾU YÊU CẦU BỔ SUNG, HOÀN THIỆN HỒ SƠ**

Hồ sơ của:.....

Nội dung yêu cầu giải quyết: .....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại: ..... Email: .....

Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ gồm những nội dung sau:

1 .....

Lý do: .....

Trong quá trình hoàn thiện hồ sơ nếu có vướng mắc, Ông/Bà liên hệ với  
..... số điện thoại ..... để được hướng dẫn./.

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*(Chữ ký số của Người hướng dẫn nếu là  
biểu mẫu điện tử)*



**BM 03**

*(Mẫu số 03 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP  
ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ)*

TÊN CẤP TỈNH (hoặc) BỘ,  
NGÀNH/CẤP HUYỆN/CẤP XÃ  
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH  
CHÍNH CÔNG (hoặc) BỘ PHẬN TIẾP  
NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../TTPVHCC (BPTNTKQ)

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**PHIẾU TỪ CHỐI TIẾP NHẬN GIẢI QUYẾT HỒ SƠ**

Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa: .....

Tiếp nhận hồ sơ của: .....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại: ..... Email: .....

Nội dung yêu cầu giải quyết:.....

Qua xem xét, Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thông báo không tiếp nhận, giải quyết hồ sơ này với lý do cụ thể như sau: .....

.....

.....

.....

Xin thông báo cho Ông/Bà được biết và thực hiện./.

**NGƯỜI NỘP HỒ SƠ**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*(Chữ ký số của Người tiếp nhận hồ sơ nếu  
là biểu mẫu điện tử)*

**Ghi chú:** Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Phiếu được lập thành 2 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả.

**BM 04**

*(Mẫu số 01 tại Phụ lục II kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP  
ngày 03/3/2021 của Chính phủ)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG**

(Sử dụng cho công trình: *Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Nhà ở riêng lẻ/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án/Dì dời công trình)*

Kính gửi: .....

## 1. Thông tin về chủ đầu tư:

- Tên chủ đầu tư (tên chủ hộ): .....

- Người đại diện: ..... Chức vụ (nếu có): .....

- Địa chỉ liên hệ: số nhà: ..... đường/phố: .....

phường/xã: ..... quận/huyện: ..... tỉnh/thành phố: .....

- Số điện thoại: .....

## 2. Thông tin công trình:

- Địa điểm xây dựng:

Lô đất số: ..... Diện tích ..... m<sup>2</sup>.

Tại số nhà: ..... đường/phố .....

phường/xã: ..... quận/huyện: ..... tỉnh, thành phố:

.....

## 3. Tổ chức/cá nhân lập, thẩm tra thiết kế xây dựng:

## 3.1. Tổ chức/cá nhân lập thiết kế xây dựng:

- Tên tổ chức/cá nhân: Mã số chứng chỉ năng lực/hành nghề:

- Tên và mã số chứng chỉ hành nghề của các chủ nhiệm, chủ trì thiết kế:

### 3.2. Tổ chức/cá nhân thẩm tra thiết kế xây dựng:

- Tên tổ chức/cá nhân: Mã số chứng chỉ năng lực/hành nghề:

- Tên và mã số chứng chỉ hành nghề của các chủ trì thẩm tra thiết kế:....

### 4. Nội dung đề nghị cấp phép:

#### 4.1. Đối với công trình không theo tuyến, tín ngưỡng, tôn giáo:

- Loại công trình: .....Cấp công trình: .....

- Diện tích xây dựng: .....m<sup>2</sup>.

- Cốt xây dựng: .....m.

- Tổng diện tích sàn (đối với công trình dân dụng và công trình có kết cấu dạng nhà):..... m<sup>2</sup> (ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).

- Chiều cao công trình: .....m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum - nếu có).

- Số tầng: .....(ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum - nếu có).

#### 4.2. Đối với công trình theo tuyến trong đô thị:

- Loại công trình: .....Cấp công trình: .....

- Tổng chiều dài công trình: .....m (ghi rõ chiều dài qua từng khu vực đặc thù, qua từng địa giới hành chính xã, phường, quận, huyện, tỉnh, thành phố).

- Cốt của công trình: .....m (ghi rõ cốt qua từng khu vực).

- Chiều cao tính không của tuyến: .....m (ghi rõ chiều cao qua các khu vực).

- Độ sâu công trình: .....m (ghi rõ độ sâu qua từng khu vực).

#### 4.3. Đối với công trình tượng đài, tranh hoành tráng:

- Loại công trình: ..... Cấp công trình: .....

- Diện tích xây dựng: .....m<sup>2</sup>.

- Cốt xây dựng: .....m.

- Chiều cao công trình: .....m.

## 4.4. Đối với công trình nhà ở riêng lẻ:

- Cấp công trình: .....
- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): .....m<sup>2</sup>.
- Tổng diện tích sàn: .....m<sup>2</sup> (trong đó ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).
- Chiều cao công trình: .....m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).
- Số tầng: (trong đó ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).

## 4.5. Đối với trường hợp cải tạo, sửa chữa:

- Loại công trình: .....Cấp công trình: .....
- Các nội dung theo quy định tại mục 4.1; 4.2; 4.3; 4.4 tương ứng với loại công trình.

## 4.6. Đối với trường hợp cấp giấy phép theo giai đoạn:

- Giai đoạn 1:
  - + Loại công trình: .....Cấp công trình: .....
  - + Các nội dung theo quy định tại mục 4.1; 4.2; 4.3; 4.4 tương ứng với loại và giai đoạn 1 của công trình.
- Giai đoạn 2:
 

Các nội dung theo quy định tại mục 4.1; 4.2; 4.3; 4.4 tương ứng với loại và giai đoạn 1 của công trình.

- Giai đoạn ...

## 4.7. Đối với trường hợp cấp cho Dự án:

- Tên dự án: .....
- Đã được: .....phê duyệt, theo Quyết định số: .....ngày .....
- Gồm: (n) công trình

Trong đó:

Công trình số (1-n): (tên công trình)

\* Loại công trình: .....Cấp công trình: .....

\* Các thông tin chủ yếu của công trình: .....

4.8. Đối với trường hợp di dời công trình:

- Công trình cần di dời:

- Loại công trình: ..... Cấp công trình: .....

- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): ..... m<sup>2</sup>.

- Tổng diện tích sàn: .....m<sup>2</sup>.

- Chiều cao công trình: .....m.

- Địa điểm công trình di dời đến:

Lô đất số:.....Diện tích..... m<sup>2</sup>.

Tại: ..... đường: .....

phường (xã) ..... quận (huyện) .....

tỉnh, thành phố: .....

- Số tầng: .....

5. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình: .....tháng.

6. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

1 -

2 -

....., ngày ..... tháng .... năm.....  
**NGƯỜI LÀM ĐƠN/ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ**  
 (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

**BM 05**

*(Mẫu số 03 tại Phụ lục VI kèm theo Nghị định số 35/2023/NĐ-CP  
ngày 20/6/2023 của Chính phủ)*

**CƠ QUAN PHÊ DUYỆT**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số: .....

... .., ngày ... tháng ... năm ....

**QUYẾT ĐỊNH****Phê duyệt dự án... (tên dự án)****CƠ QUAN PHÊ DUYỆT**

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;*

*Căn cứ... (văn bản quy phạm pháp luật quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng);*

*Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;*

*Căn cứ Thông báo kết quả thẩm định số... của cơ quan thẩm định (nếu có);*

*Theo đề nghị của .... tại Tờ trình số... ngày... tháng... năm...*

**QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Phê duyệt dự án... (tên dự án) với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án:
2. Người quyết định đầu tư:
3. Chủ đầu tư:
4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng:
5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, tổ chức lập khảo sát xây dựng (nếu có); tổ chức tư vấn lập thiết kế cơ sở:
6. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng:
7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính:

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

9. Tổng mức đầu tư xây dựng; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng:

10. Tiến độ thực hiện dự án; phân kỳ đầu tư (nếu có); thời hạn hoạt động của dự án (nếu có):

11. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng:

13. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có):

14. Trình tự đầu tư xây dựng đối với công trình bí mật nhà nước (nếu có):

15. Các nội dung khác (nếu có).

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện.

**Điều 3.** Tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

### **CƠ QUAN PHÊ DUYỆT**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Các cơ quan có liên quan;
- Lưu:...

**\*Ghi chú:** Mẫu số 03. Quyết định phê duyệt dự án đối với dự án yêu cầu lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng.

**BM 06**

*(Mẫu số 03a tại Phụ lục VI kèm theo Nghị định số 35/2023/NĐ-CP  
ngày 20/6/2023 của Chính phủ)*

**CƠ QUAN PHÊ DUYỆT**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số: .....

....., ngày ... tháng ... năm ....

**QUYẾT ĐỊNH****Phê duyệt dự án... (tên dự án)****CƠ QUAN PHÊ DUYỆT**

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;*

*Căn cứ... (văn bản quy phạm pháp luật quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng);*

*Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;*

*Căn cứ Thông báo kết quả thẩm định số... của cơ quan thẩm định (nếu có);*

*Theo đề nghị của .... tại Tờ trình số... ngày... tháng... năm...*

**QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Phê duyệt dự án... (tên dự án) với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án:
2. Người quyết định đầu tư:
3. Chủ đầu tư:
4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng:
5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, tổ chức lập khảo sát xây dựng (nếu có):
6. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng:
7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính:



8. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

9. Tổng mức đầu tư xây dựng; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng:

10. Tiến độ thực hiện dự án; phân kỳ đầu tư (nếu có); thời hạn hoạt động của dự án (nếu có):

11. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng:

13. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có):

14. Trình tự đầu tư xây dựng đối với công trình bí mật nhà nước (nếu có):

15. Các nội dung khác (nếu có).

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện.

**Điều 3.** Tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Các cơ quan có liên quan;
- Lưu:...

**CƠ QUAN PHÊ DUYỆT**  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

**Ghi chú:** Mẫu số 03a. Quyết định phê duyệt dự án đối với dự án chỉ cần lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.

**BM 07**

*(Mẫu số 07 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ)*

**CƠ QUAN PHÊ DUYỆT**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số: .....

... .., ngày ... tháng ... năm .....

**QUYẾT ĐỊNH****Phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở  
(CƠ QUAN PHÊ DUYỆT)**

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;*

*Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;*

*Căn cứ Thông báo kết quả thẩm định số....*

*Theo đề nghị của .... tại Phiếu trình số... ngày... tháng... năm... và Thông báo kết quả thẩm định số... ngày... tháng... năm ... của...*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (tên công trình) với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Người phê duyệt:
2. Tên công trình hoặc bộ phận công trình:
3. Tên dự án:
4. Loại, cấp công trình:

5. Địa điểm xây dựng:
6. Nhà thầu khảo sát xây dựng:
7. Nhà thầu lập thiết kế xây dựng:
8. Nhà thầu thẩm tra thiết kế xây dựng:
9. Quy mô, chỉ tiêu kỹ thuật; các giải pháp thiết kế nhằm sử dụng hiệu quả năng lượng, tiết kiệm tài nguyên (nếu có):
10. Thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình:
11. Giá trị dự toán xây dựng theo từng khoản mục chi phí:
12. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng;
13. Các nội dung khác (nếu có).

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện.

**Điều 3.** Tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định.

### **CƠ QUAN PHÊ DUYỆT**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Các cơ quan có liên quan;
- Lưu:...

**BM 08**

*(Mẫu số 08 tại Phụ lục II kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP  
ngày 03/3/2021 của Chính phủ)*

**CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP  
XÂY DỰNG...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm*

**GIẤY PHÉP XÂY DỰNG**

Số: /GPXD

*(Sử dụng cấp cho dự án)*

1. Cấp cho: .....

- Địa chỉ: .....

Số nhà: ..... Đường (phố) ..... Phường (xã): ..... Quận (huyện) ..... Tỉnh, thành phố: ...

2. Được phép xây dựng các công trình thuộc dự án: .....

- Tổng số công trình: (n) công trình

- Công trình số (1-n): .....

*(Ghi theo nội dung tại các Mẫu số 1, 2, 3, 4, 5 .... phù hợp với từng loại công trình đề nghị cấp giấy phép xây dựng)*

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: .....

4. Ghi nhận các công trình đã khởi công:

- Công trình: .....

- Công trình: .....

5. Giấy phép có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

**Nơi nhận:**

- Chủ đầu tư;
- Lưu VT, .....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**TRƯỞNG BAN**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

(Trang 2)

**Chủ đầu tư phải thực hiện các nội dung sau đây:**

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kế.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Thực hiện thông báo khởi công xây dựng công trình theo quy định.
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa Điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi Điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng năm 2014 thì phải đề nghị Điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép.

**ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN GIẤY PHÉP**

1. Nội dung điều chỉnh/gia hạn: .....

(trường hợp trang 2 không đủ để ghi nội dung điều chỉnh/gia hạn thì nội dung này được ghi vào các trang tiếp theo đính kèm và là một phần không tách rời của giấy phép xây dựng).

2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép: .....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**TRƯỞNG BAN**  
(Ký tên, đóng dấu)

**QUY TRÌNH ĐÃ TÁI CẤU TRÚC**  
**QUY TRÌNH 03**

**Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo công trình**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4294/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2023  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

**I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ**

| <b>STT</b> | <b>Tên hồ sơ</b>   | <b>Số lượng</b> | <b>Ghi chú</b>                       |
|------------|--|-----------------|--------------------------------------|
| 1          | Đơn đề nghị cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình <sup>(1)</sup> (Mẫu số 01 Phụ lục II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ).  | 01              | Bản chính                            |
| 2          | Một trong những giấy tờ chứng minh về quyền sở hữu, quản lý, sử dụng công trình theo quy định của pháp luật <sup>(2)</sup> .   | 01              | Bản sao có chứng thực hoặc bản chính |
| 3          | Bản vẽ hiện trạng của các bộ phận công trình dự kiến sửa chữa, cải tạo đã được phê duyệt theo quy định có tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ các bản vẽ của hồ sơ đề nghị cấp phép sửa chữa, cải tạo và ảnh chụp (kích thước tối thiểu 10 x 15 cm) hiện trạng công trình và công trình lân cận trước khi sửa chữa, cải tạo <sup>(3)</sup> .   | 02              | Bản chính                            |
| 4          | Hồ sơ thiết kế sửa chữa, cải tạo tương ứng với mỗi loại công trình theo quy định tại Điều 43 <sup>(4)</sup> , gồm:<br>- Đối với công trình không theo tuyến: bản vẽ tổng mặt bằng toàn dự án, mặt bằng định vị công trình trên lô đất; bản vẽ kiến trúc các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình; bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng; các bản vẽ thể hiện giải pháp kết cấu chính của công trình; bản | 02              | Bản chính                            |

<sup>(1)</sup> Theo khoản 1 Điều 47 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

<sup>(2)</sup> Theo khoản 2 Điều 47 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

<sup>(3)</sup> Theo khoản 3 Điều 47 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

<sup>(4)</sup> Theo khoản 4 Điều 47 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

|    |  |    |                                      |
|----|--|----|--------------------------------------|
|    | vẽ mặt bằng đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình, dự án <sup>(5)</sup> .<br>- Đối với công trình theo tuyến: sơ đồ vị trí tuyến công trình; bản vẽ mặt bằng tổng thể hoặc bản vẽ bình đồ công trình; bản vẽ các mặt cắt dọc và mặt cắt ngang chủ yếu của tuyến công trình; bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng; các bản vẽ thể hiện giải pháp kết cấu chính của công trình; bản vẽ mặt bằng đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình, dự án <sup>(6)</sup> . |    |                                      |
| 5  | Đối với các công trình di tích lịch sử - văn hóa và danh lam, thắng cảnh đã được xếp hạng thì phải có văn bản chấp thuận về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa <sup>(7)</sup> .  |    | Bản chính                            |
| 6  | Quyết định phê duyệt dự án <sup>(8)</sup> (Mẫu số 03 Phụ lục VI Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ hoặc Mẫu số 03a Phụ lục VI Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ).   | 01 | Bản sao có chứng thực hoặc bản chính |
| 7  | Văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có) <sup>(9)</sup> .  | 01 | Bản sao có chứng thực hoặc bản chính |
| 8  | Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ <sup>(10)</sup> .   | 01 | Bản chính                            |
| 9  | Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy và các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt kèm theo theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy <sup>(11)</sup> .   | 01 | Bản sao có chứng thực hoặc bản chính |
| 10 | Văn bản kết quả thực hiện thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với trường hợp không thẩm định báo   | 01 | Bản sao có chứng thực hoặc bản       |

<sup>(5)</sup> Theo điểm d khoản 1 Điều 43 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

<sup>(6)</sup> Theo điểm d khoản 1 Điều 43 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

<sup>(7)</sup> Theo khoản 5 Điều 47 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

<sup>(8)</sup> Theo điểm c khoản 1 Điều 43 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

<sup>(9)</sup> Theo điểm c khoản 1 Điều 43 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

<sup>(10)</sup> Theo điểm c khoản 1 Điều 43 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

<sup>(11)</sup> Theo điểm c khoản 1 Điều 43 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

|   |       |
|---|-------|
| cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng <sup>(12)</sup> . | chính |
|---|-------|

**Lưu ý:**

- Bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng phải tuân thủ quy định về quy cách hồ sơ thiết kế xây dựng<sup>(13)</sup>.
- Thiết kế xây dựng phải được thẩm định, phê duyệt theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014<sup>(14)</sup>.
- Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân phải phù hợp với loại, cấp công trình và công việc do mình thực hiện<sup>(15)</sup>.

**II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ**

| Nơi tiếp nhận và trả kết quả  | Thời gian xử lý   | Lệ phí                                 |
|---|---|--|
| Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ: Lô T2-3, đường D1, phường Tân Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. | Trong thời hạn 20 ngày làm việc <sup>(16)</sup> kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ. | 150.000 đồng/giấy phép <sup>(17)</sup> |

**III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC**

| Bước công việc | Nội dung công việc    | Trách nhiệm                      | Thời gian      | Biểu mẫu/Kết quả                                  | Diễn giải  |
|----------------|-----------------------|----------------------------------|----------------|---|--|
| B1             | <b>Nộp hồ sơ</b>      | Đơn vị, tổ chức                  | Giờ hành chính | Theo Mục I  | Thành phần hồ sơ theo Mục I.   |
|                | <b>Kiểm tra hồ sơ</b> | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả |                | Theo Mục I<br>Theo BM01<br>Theo BM02<br>Theo BM03 | <b>1. Tiếp nhận trực tiếp:</b><br>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và chưa hợp lệ: hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do |

<sup>(12)</sup> Theo điểm c khoản 1 Điều 43 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

<sup>(13)</sup> Theo Điều 33 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

<sup>(14)</sup> Theo khoản 5 Điều 79 Luật Xây dựng năm 2014.

<sup>(15)</sup> Theo Chương VIII Luật Xây dựng năm 2014 và Chương VI Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

<sup>(16)</sup> Theo điểm b khoản 36 Điều 1 Luật Xây dựng sửa đổi năm 2020.

<sup>(17)</sup> Theo Nghị quyết số 18/2017/NQ-HĐND ngày 07/02/2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa IX, kỳ họp thứ sáu.



| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Biểu mẫu/Kết quả | Diễn giải   |
|----------------|--------------------|-------------|-----------|------------------|---|
|                |                    |             |           |                  | <p>theo BM02.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả trao cho người nộp hồ sơ theo BM01. Chuyển sang bước B2.</li> <li>- Trường hợp không đúng thẩm quyền, không thuộc đối tượng, không đảm bảo tính pháp lý hoặc không hợp lệ: lập phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM03.</li> </ul> <p><b>2. Tiếp nhận qua Công Dịch vụ công trực tuyến:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính xác thực, hợp lệ (nếu có).</li> <li>- Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, Công chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận, cấp mã hồ sơ và xử lý hồ sơ theo quy trình.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định thì thông báo cho tổ chức, cá</li> </ul> |

| Bước công việc | Nội dung công việc   | Trách nhiệm                        | Thời gian  | Biểu mẫu/Kết quả  | Diễn giải   |
|----------------|--|------------------------------------|--|---|---|
|                |  |                                    |  |   | <p>nhân qua tài khoản của tổ chức, cá nhân qua Công Dịch vụ công và hướng dẫn đầy đủ, cụ thể để tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo yêu cầu.</p> <p>=&gt; Thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, trừ thứ 7, chủ nhật.</p> <p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận và chuyển hồ sơ đến chuyên viên thụ lý hồ sơ Phòng Quản lý Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường.</p> |
| B2             | <b>Chuyển hồ sơ</b>  | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả   | 0,25 ngày làm việc (02 giờ)                                    | Theo Mục I Theo BM01  | Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo Phòng Quản lý Quy hoạch, Xây dựng và Môi trường.  |
| B3             | <b>Xem xét hồ sơ, kiểm tra thực địa, lấy ý kiến của các cơ quan (nếu có), tổng hợp</b> | Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC | 7,5 ngày làm việc <sup>(18)</sup> (đối với hồ sơ chưa hợp lệ). | Theo Mục I; Theo BM01; Hồ sơ trình:<br>- Phiếu trình.<br>- Dự thảo văn bản thông báo yêu cầu bổ | Trong thời hạn <b>07 ngày làm việc</b> kể từ ngày nhận được hồ sơ, chuyên viên thụ lý hồ sơ tiến hành thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực địa, tổng hợp và đề xuất kết quả giải quyết TTHC. Khi  |

<sup>(18)</sup> Theo điểm c khoản 1 Điều 102 Luật Xây dựng năm 2014.

| Bước công việc | Nội dung công việc                 | Trách nhiệm | Thời gian   | Biểu mẫu/Kết quả   | Diễn giải  |
|----------------|------------------------------------|-------------|---|--|--|
|                | và đề xuất kết quả giải quyết TTHC |             |   | sung, hoàn chỉnh hồ sơ.  | thẩm định hồ sơ, chuyên viên xác định tài liệu còn thiếu, tài liệu không đúng theo quy định hoặc không đúng với thực tế: soạn Phiếu trình và dự thảo văn bản thông báo yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Chuyển sang bước B3.1 và B3.2.                     |
|                |                                    |             | 5 ngày làm việc <sup>(19)</sup><br>(đối với hồ sơ bổ sung chưa đáp ứng được yêu cầu).     | Theo Mục I;<br>Theo BM01;<br>Hồ sơ trình:<br>- Phiếu trình.<br>- Dự thảo văn bản thông báo hướng dẫn tiếp tục hoàn thiện hồ sơ.      | - Trường hợp hồ sơ bổ sung chưa đáp ứng được yêu cầu theo văn bản thông báo thì trong thời hạn <b>05 ngày làm việc</b> : soạn Phiếu trình và dự thảo văn bản thông báo hướng dẫn cho chủ đầu tư tiếp tục hoàn thiện hồ sơ. Chuyển sang bước B3.1 và B3.2.    |
|                |                                    |             | 3 ngày làm việc <sup>(20)</sup><br>(đối với hồ sơ bổ sung vẫn không đáp ứng được yêu cầu) | Theo Mục I;<br>Theo BM01;<br>Hồ sơ trình:<br>- Phiếu trình.<br>- Dự thảo văn bản thông báo về lý do không cấp giấy phép xây dựng sửa | - Trường hợp việc bổ sung hồ sơ vẫn không đáp ứng được các nội dung theo thông báo thì trong thời hạn <b>03 ngày làm việc</b> : soạn Phiếu trình và dự thảo văn bản thông báo đến chủ đầu tư về lý do không cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo. Chuyển |

<sup>(19)</sup> Theo điểm c khoản 1 Điều 102 Luật Xây dựng năm 2014.

<sup>(20)</sup> Theo điểm c khoản 1 Điều 102 Luật Xây dựng năm 2014.

| <b>Bước công việc</b> | <b>Nội dung công việc</b> | <b>Trách nhiệm</b>  | <b>Thời gian</b>                        | <b>Biểu mẫu/Kết quả</b>   | <b>Diễn giải</b>  |
|-----------------------|---------------------------|---|---|---|---|
|                       |                           |   |   | chữa, cải tạo.  | sang bước B3.1 và B3.2.   |
|                       |                           |   | 15 ngày làm việc (đối với hồ sơ hợp lệ) | Theo Mục I;<br>Theo BM01;<br>Hồ sơ trình:<br>- Phiếu trình.<br>- Dự thảo giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình theo BM08.                                      | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: soạn Phiếu trình và dự thảo giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình. Chuyển sang bước B4.<br>- Trình Lãnh đạo Phòng Quản lý Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường xem xét, ký duyệt. |
| B3.1                  | <b>Xem xét, ký nháy</b>   | Lãnh đạo Phòng Quản lý Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường | 02 ngày làm việc                        | Theo mục I;<br>Theo BM01;<br>Hồ sơ trình:<br>- Phiếu trình.<br>- Văn bản bổ sung, hoàn thiện hồ sơ hoặc lý do không cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình. | Lãnh đạo Phòng Quản lý Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường xem xét hồ sơ ký nháy trình Lãnh đạo Ban Quản lý ký duyệt. Chuyển sang bước B3.2.   |
| B3.2                  | <b>Ký duyệt</b>           | Lãnh đạo Ban Quản lý                                      | 02 ngày làm việc                        | Theo Mục I;<br>Theo BM01;<br>Hồ sơ trình:<br>- Phiếu trình.<br>- Văn bản bổ sung, hoàn thiện hồ sơ hoặc lý do không cấp   | Xem xét ký duyệt hồ sơ của Lãnh đạo Ban Quản lý. Chuyển sang bước B6.   |

| Bước công việc | Nội dung công việc                       | Trách nhiệm   | Thời gian        | Biểu mẫu/Kết quả   | Diễn giải  |
|----------------|--|---|------------------|--|--|
|                |  |   |                  | giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình.  |  |
| B4             | <b>Xem xét, trình ký</b>                 | Lãnh đạo Phòng Quản lý Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường | 02 ngày làm việc | Theo Mục I; Theo BM01; Hồ sơ trình:<br>- Phiếu trình.<br>- Giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình theo BM08. | - Lãnh đạo Phòng Quản lý Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường xem xét hồ sơ ký nháy trình Lãnh đạo Ban Quản lý ký duyệt giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình. Chuyển sang bước B5. |
| B5             | <b>Ký duyệt</b>                          | Lãnh đạo Ban Quản lý                                      | 02 ngày làm việc | Theo Mục I; Theo BM01; Hồ sơ trình:<br>- Phiếu trình.<br>- Giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình theo BM08. | - Xem xét ký duyệt hồ sơ giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình của Lãnh đạo Ban Quản lý. Chuyển sang bước B6.   |
| B6             | <b>Phát hành văn bản</b>                 | Văn thư Ban Quản lý                                       | 02 giờ làm việc  | Kết quả giải quyết TTHC.   | - Lấy số, phô tô, đóng dấu và phát hành kết quả giải quyết TTHC. Chuyển sang bước B7.  |
| B7             | <b>Trả kết quả, thống kê và theo dõi</b> | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý            | Theo Giấy hẹn    | Kết quả giải quyết TTHC.   | - Trả kết quả cho Tổ chức, đơn vị.<br>- Thống kê, theo dõi, lưu trữ hồ sơ theo quy định.   |

**Ghi chú:**

- Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng có trách nhiệm đối chiếu các điều kiện theo quy định của Luật này để gửi văn bản lấy ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước về những lĩnh vực liên quan đến công trình xây dựng theo quy định của pháp

luật<sup>(21)</sup>.

- Trong thời gian 12 ngày đối với công trình kể từ ngày nhận được hồ sơ, các cơ quan quản lý nhà nước được hỏi ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về những nội dung thuộc chức năng quản lý của mình. Sau thời hạn trên, nếu các cơ quan này không có ý kiến thì được coi là đã đồng ý và phải chịu trách nhiệm về những nội dung thuộc chức năng quản lý của mình; cơ quan cấp giấy phép xây dựng căn cứ các quy định hiện hành để quyết định việc cấp giấy phép xây dựng<sup>(22)</sup> (Thời gian lấy ý kiến không tính vào thời gian xử lý giải quyết thủ tục hành chính).

#### IV. BIỂU MẪU

Các Biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc.

| STT | Mã hiệu | Tên Biểu mẫu  |
|-----|---------|---|
| 1   | BM 01   | Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).                                     |
| 2   | BM 02   | Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).                                     |
| 3   | BM 03   | Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).                                    |
| 4   | BM 04   | Đơn đề nghị cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình (Mẫu số 01 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021).                             |
| 5   | BM 05   | Quyết định phê duyệt dự án (Mẫu số 03 <sup>(23)</sup> Phụ lục VI kèm theo Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023).   |
| 6   | BM 06   | Quyết định phê duyệt dự án (Mẫu số 03a <sup>(24)</sup> Phụ lục VI kèm theo Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023).  |
| 7   | BM 07   | Quyết định phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của Chủ đầu tư (Mẫu số 07 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021). |
| 8   | BM 08   | Giấy phép xây dựng (Mẫu số 10 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021).   |

<sup>(21)</sup> Theo điểm a khoản 36 Điều 1 Luật Xây dựng sửa đổi năm 2020.

<sup>(22)</sup> Theo điểm đ khoản 1 Điều 102 Luật Xây dựng năm 2014.

<sup>(23)</sup> Mẫu số 03. Quyết định phê duyệt dự án đối với dự án yêu cầu lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng.

<sup>(24)</sup> Mẫu số 03a. Quyết định phê duyệt dự án đối với dự án chi cần lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.

**V. HỒ SƠ CẦN LƯU**

| STT | Mã hiệu | Tên biểu mẫu   |
|-----|---------|--|
| 1   | BM 01   | Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).  |
| 2   | BM 02   | Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).  |
| 3   | BM 03   | Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018). |
| 4   |         | Theo Mục I.  |
| 5   |         | Kết quả giải quyết TTHC.   |
| 6   |         | Các hồ sơ bổ sung và hồ sơ khác theo quy định hiện hành (nếu có).  |

**VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ**

- Luật số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 Luật Xây dựng (có hiệu lực từ ngày 01/01/2015);
- Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng (có hiệu lực từ ngày 01/01/2021);
- Luật số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 Luật Bảo vệ môi trường (có hiệu lực từ ngày 01/01/2022);
- Nghị định 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy (có hiệu lực từ ngày 10/01/2021);
- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;
- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

- Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường; Thông tư số 04/2023/TT-BTNMT ngày 06/7/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định ngưng hiệu lực thi hành khoản 1 Điều 7 và khoản 2 Điều 75 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022;

- Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

- Nghị quyết số 18/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và Công văn số 11042/SXD-VP ngày 12/9/2018 của Sở Xây dựng;

- Quyết định số 1324/QĐ-UBND ngày 22/4/2022 về công bố danh mục thủ tục hành chính các lĩnh vực Hoạt động xây dựng; Quản lý chất lượng công trình xây dựng; Lao động tiền lương; Người nước ngoài làm việc tại Việt Nam; Thương mại quốc tế thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao;

- Quyết định số 26/2017/QĐ-UBND ngày 20/6/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về Quy định một số nội dung về cấp phép xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.



**BM 01**

*(Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP  
ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ)*

TÊN CẤP TỈNH (hoặc) BỘ,  
NGÀNH/CẤP HUYỆN/CẤP XÃ  
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH  
CHÍNH CÔNG (hoặc) BỘ PHẬN TIẾP  
NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TTPVHCC (BPTNTKQ)

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ**

**Mã hồ sơ:.....**

Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả:.....

Tiếp nhận hồ sơ của: .....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại: ..... Email: .....

Nội dung yêu cầu giải quyết: .....

Thành phần hồ sơ nộp gồm:

1 .....

2 .....

3 .....

4 .....

Số lượng hồ sơ: ..... (bộ)

Thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định là: ..... ngày

Thời gian nhận hồ sơ: ....giờ.... phút, ngày ... tháng ...năm....

Thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ:.... giờ..., phút, ngày ... tháng....năm....

Đăng ký nhận kết quả tại: .....

Vào Sổ theo dõi hồ sơ, Quyển số: ..... Số thứ tự.....

**NGƯỜI NỘP HỒ SƠ**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ**  
(Ký và ghi rõ họ tên)  
(Chữ ký số của Người tiếp nhận hồ sơ nếu là  
biểu mẫu điện tử)

***Ghi chú:***

- Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả được lập thành 2 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa;

- Tổ chức, cá nhân có thể đăng ký nhận kết quả tại Bộ phận Một cửa hoặc tại nhà (trụ sở tổ chức) qua dịch vụ bưu chính.

**BM 02**

**(Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP  
ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ)**

TÊN CẤP TỈNH (hoặc) BỘ,  
NGÀNH/CẤP HUYỆN/CẤP XÃ  
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH  
CHÍNH CÔNG (hoặc) BỘ PHẬN TIẾP  
NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../HDHS

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**PHIẾU YÊU CẦU BỔ SUNG, HOÀN THIỆN HỒ SƠ**

Hồ sơ của:.....

Nội dung yêu cầu giải quyết: .....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại: ..... Email: .....

Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ gồm những nội dung sau:

1 .....

Lý do: .....

Trong quá trình hoàn thiện hồ sơ nếu có vướng mắc, Ông/Bà liên hệ với  
..... số điện thoại ..... để được hướng dẫn./.

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*(Chữ ký số của Người hướng dẫn nếu là  
biểu mẫu điện tử)*

**BM 03**

*(Mẫu số 03 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP  
ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ)*

TÊN CẤP TỈNH (hoặc) BỘ,  
NGÀNH/CẤP HUYỆN/CẤP XÃ  
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH  
CHÍNH CÔNG (hoặc) BỘ PHẬN TIẾP  
NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TTPVHCC (BPTNTKQ)

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**PHIẾU TỪ CHỐI TIẾP NHẬN GIẢI QUYẾT HỒ SƠ**

Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa: .....

Tiếp nhận hồ sơ của: .....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại: ..... Email: .....

Nội dung yêu cầu giải quyết:.....

Qua xem xét, Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thông báo không tiếp nhận, giải quyết hồ sơ này với lý do cụ thể như sau: .....

.....

.....

.....

Xin thông báo cho Ông/Bà được biết và thực hiện./.

**NGƯỜI NỘP HỒ SƠ**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ**

*(Ký và ghi rõ họ tên)  
(Chữ ký số của Người tiếp nhận hồ sơ nếu  
là biểu mẫu điện tử)*

**Ghi chú:** Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Phiếu được lập thành 2 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả.

**BM 04**

(Mẫu số 01 tại Phụ lục II kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP  
ngày 03/3/2021 của Chính phủ)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG**

(Sử dụng cho công trình: Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Nhà ở riêng lẻ/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án/Dì dờ công trình)

Kính gửi: .....

## 1. Thông tin về chủ đầu tư:

- Tên chủ đầu tư (tên chủ hộ): .....

- Người đại diện: ..... Chức vụ (nếu có): .....

- Địa chỉ liên hệ: số nhà: ..... đường/phố: .....

phường/xã: ..... quận/huyện: ..... tỉnh/thành phố: .....

- Số điện thoại: .....

## 2. Thông tin công trình:

- Địa điểm xây dựng:

Lô đất số: ..... Diện tích ..... m<sup>2</sup>.

Tại số nhà: ..... đường/phố .....

phường/xã: ..... quận/huyện: ..... tỉnh, thành phố:

.....

## 3. Tổ chức/cá nhân lập, thẩm tra thiết kế xây dựng:

## 3.1. Tổ chức/cá nhân lập thiết kế xây dựng:

- Tên tổ chức/cá nhân: Mã số chứng chỉ năng lực/hành nghề:

- Tên và mã số chứng chỉ hành nghề của các chủ nhiệm, chủ trì thiết kế:

3.2. Tổ chức/cá nhân thẩm tra thiết kế xây dựng:

- Tên tổ chức/cá nhân: Mã số chứng chỉ năng lực/hành nghề:

- Tên và mã số chứng chỉ hành nghề của các chủ trì thẩm tra thiết kế:....

4. Nội dung đề nghị cấp phép:

4.1. Đối với công trình không theo tuyến, tín ngưỡng, tôn giáo:

- Loại công trình: .....Cấp công trình: .....

- Diện tích xây dựng: .....m<sup>2</sup>.

- Cốt xây dựng: .....m.

- Tổng diện tích sàn (đối với công trình dân dụng và công trình có kết cấu dạng nhà):..... m<sup>2</sup> (ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).

- Chiều cao công trình: .....m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum - nếu có).

- Số tầng: .....(ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum - nếu có).

4.2. Đối với công trình theo tuyến trong đô thị:

- Loại công trình: .....Cấp công trình: .....

- Tổng chiều dài công trình: .....m (ghi rõ chiều dài qua từng khu vực đặc thù, qua từng địa giới hành chính xã, phường, quận, huyện, tỉnh, thành phố).

- Cốt của công trình: .....m (ghi rõ cốt qua từng khu vực).

- Chiều cao tính không của tuyến: .....m (ghi rõ chiều cao qua các khu vực).

- Độ sâu công trình: .....m (ghi rõ độ sâu qua từng khu vực).

4.3. Đối với công trình tượng đài, tranh hoành tráng:

- Loại công trình: ..... Cấp công trình: .....

- Diện tích xây dựng: .....m<sup>2</sup>.

- Cốt xây dựng: .....m.

- Chiều cao công trình: .....m.

## 4.4. Đối với công trình nhà ở riêng lẻ:

- Cấp công trình: .....

- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): .....m<sup>2</sup>.

- Tổng diện tích sàn: .....m<sup>2</sup> (trong đó ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).

- Chiều cao công trình: .....m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).

- Số tầng: (trong đó ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).

## 4.5. Đối với trường hợp cải tạo, sửa chữa:

- Loại công trình: .....Cấp công trình: .....

- Các nội dung theo quy định tại mục 4.1; 4.2; 4.3; 4.4 tương ứng với loại công trình.

## 4.6. Đối với trường hợp cấp giấy phép theo giai đoạn:

- Giai đoạn 1:

+ Loại công trình: .....Cấp công trình: .....

+ Các nội dung theo quy định tại mục 4.1; 4.2; 4.3; 4.4 tương ứng với loại và giai đoạn 1 của công trình.

- Giai đoạn 2:

Các nội dung theo quy định tại mục 4.1; 4.2; 4.3; 4.4 tương ứng với loại và giai đoạn 1 của công trình.

- Giai đoạn ...

## 4.7. Đối với trường hợp cấp cho Dự án:

- Tên dự án: .....

Đã được: .....phê duyệt, theo Quyết định số: .....ngày .....

- Gồm: (n) công trình

Trong đó:

Công trình số (1-n): (tên công trình)

\* Loại công trình: .....Cấp công trình: .....

\* Các thông tin chủ yếu của công trình: .....

4.8. Đối với trường hợp di dời công trình:

- Công trình cần di dời:

- Loại công trình: ..... Cấp công trình: .....

- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): ..... m<sup>2</sup>.

- Tổng diện tích sàn: .....m<sup>2</sup>.

- Chiều cao công trình: .....m.

- Địa điểm công trình di dời đến:

Lô đất số:.....Diện tích..... m<sup>2</sup>.

Tại: ..... đường: .....

phường (xã) ..... quận (huyện) .....

tỉnh, thành phố: .....

- Số tầng: .....

5. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình: .....tháng.

6. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

1 -

2 -

....., ngày ..... tháng .... năm.....  
**NGƯỜI LÀM ĐƠN/ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ**  
 (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))



**BM 05**

*(Mẫu số 03 tại Phụ lục VI kèm theo Nghị định số 35/2023/NĐ-CP  
ngày 20/6/2023 của Chính phủ)*

**CƠ QUAN PHÊ DUYỆT**

-----

Số: .....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

....., ngày ... tháng ... năm ....

**QUYẾT ĐỊNH****Phê duyệt dự án... (tên dự án)****CƠ QUAN PHÊ DUYỆT**

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;*

*Căn cứ... (văn bản quy phạm pháp luật quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng);*

*Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;*

*Căn cứ Thông báo kết quả thẩm định số... của cơ quan thẩm định (nếu có);*

*Theo đề nghị của .... tại Tờ trình số... ngày... tháng... năm...*

**QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Phê duyệt dự án... (tên dự án) với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án:
2. Người quyết định đầu tư:
3. Chủ đầu tư:
4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng:
5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, tổ chức lập khảo sát xây dựng (nếu có); tổ chức tư vấn lập thiết kế cơ sở:
6. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng:
7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng theo thiết kế của

công trình chính:

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:
9. Tổng mức đầu tư xây dựng; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng:
10. Tiến độ thực hiện dự án; phân kỳ đầu tư (nếu có); thời hạn hoạt động của dự án (nếu có):
11. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:
12. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng:
13. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có):
14. Trình tự đầu tư xây dựng đối với công trình bí mật nhà nước (nếu có):
15. Các nội dung khác (nếu có).

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện.

**Điều 3.** Tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**CƠ QUAN PHÊ DUYỆT**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Các cơ quan có liên quan;
- Lưu:...

**\*Ghi chú:** Mẫu số 03. Quyết định phê duyệt dự án đối với dự án yêu cầu lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng.

**BM 06**

*(Mẫu số 03a tại Phụ lục VI kèm theo Nghị định số 35/2023/NĐ-CP  
ngày 20/6/2023 của Chính phủ)*

**CƠ QUAN PHÊ DUYỆT**

-----

Số: .....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

....., ngày ... tháng ... năm ....

**QUYẾT ĐỊNH****Phê duyệt dự án... (tên dự án)****CƠ QUAN PHÊ DUYỆT**

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;*

*Căn cứ... (văn bản quy phạm pháp luật quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng);*

*Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;*

*Căn cứ Thông báo kết quả thẩm định số... của cơ quan thẩm định (nếu có);*

*Theo đề nghị của .... tại Tờ trình số... ngày... tháng... năm...*

**QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Phê duyệt dự án... (tên dự án) với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án:
2. Người quyết định đầu tư:
3. Chủ đầu tư:
4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng:
5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, tổ chức lập khảo sát xây dựng (nếu có):
6. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng:
7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng theo thiết kế của

công trình chính:

8. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

9. Tổng mức đầu tư xây dựng; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng:

10. Tiến độ thực hiện dự án; phân kỳ đầu tư (nếu có); thời hạn hoạt động của dự án (nếu có):

11. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng:

13. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có):

14. Trình tự đầu tư xây dựng đối với công trình bí mật nhà nước (nếu có):

15. Các nội dung khác (nếu có).

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện.

**Điều 3.** Tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Các cơ quan có liên quan;
- Lưu:...

**CƠ QUAN PHÊ DUYỆT**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*

**Ghi chú:** Mẫu số 03a. Quyết định phê duyệt dự án đối với dự án chỉ cần lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.

**BM 07**

*(Mẫu số 07 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP  
ngày 03/3/2021 của Chính phủ)*

**CƠ QUAN PHÊ DUYỆT**

-----

Số: .....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

....., ngày ... tháng ... năm .....

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở  
(CƠ QUAN PHÊ DUYỆT)**

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;*

*Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;*

*Căn cứ Thông báo kết quả thẩm định số....*

*Theo đề nghị của .... tại Phiếu trình số... ngày... tháng... năm... và Thông báo kết quả thẩm định số... ngày... tháng... năm ... của...*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (tên công trình) với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Người phê duyệt:
2. Tên công trình hoặc bộ phận công trình:

3. Tên dự án:
4. Loại, cấp công trình:
5. Địa điểm xây dựng:
6. Nhà thầu khảo sát xây dựng:
7. Nhà thầu lập thiết kế xây dựng:
8. Nhà thầu thẩm tra thiết kế xây dựng:
9. Quy mô, chỉ tiêu kỹ thuật; các giải pháp thiết kế nhằm sử dụng hiệu quả năng lượng, tiết kiệm tài nguyên (nếu có):
10. Thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình:
11. Giá trị dự toán xây dựng theo từng khoản mục chi phí:
12. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng;
13. Các nội dung khác (nếu có).

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện.

**Điều 3.** Tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định.

**CƠ QUAN PHÊ DUYỆT**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Các cơ quan có liên quan;
- Lưu:...

**BM 08**

(Mẫu số 10 tại Phụ lục II kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP  
ngày 03/3/2021 của Chính phủ)

**CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP  
XÂY DỰNG...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

**GIẤY PHÉP SỬA CHỮA, CẢI TẠO CÔNG TRÌNH**

Số: /GPSC (GPTC)

1. Cấp cho: .....

- Địa chỉ: .....

- Người đại diện: ..... Chức vụ: .....

- Địa chỉ liên hệ: .....

Số nhà:..... đường (phố) .....phường (xã) .....quận (huyện) .....  
tỉnh/thành phố: .....

- Số điện thoại: .....

2. Hiện trạng công trình: .....

- Lô đất số: ..... Diện tích..... m<sup>2</sup>.

Tại: ...phường (xã)..... quận (huyện)..... tỉnh/thành phố: .....

- Loại công trình:.....Cấp công trình: .....

- Diện tích xây dựng:..... m<sup>2</sup>.

- Tổng diện tích sàn:..... m<sup>2</sup> (ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum - đối với công trình dân dụng, công trình có kết cấu dạng nhà).

- Chiều cao công trình: .....m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum - đối với công trình dân dụng, công trình có kết cấu dạng nhà).

- Số tầng: (ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum - đối với công trình dân dụng, công trình có kết cấu dạng nhà).

- Các thông tin về chiều dài công trình, cốt xây dựng, chiều cao tầng không, chiều sâu công trình,... tương ứng với loại công trình sửa chữa cải tạo.

3. Được phép sửa chữa, cải tạo với nội dung sau:

- Loại công trình:..... Cấp công trình: .....

- Các thông tin về công trình tương ứng với loại công trình sửa chữa cải tạo theo quy định tại Mẫu số 03, 04,.... tương ứng với loại công trình.

4. Giấy tờ về quyền sử dụng đất và sở hữu công trình: .....

5. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

**Nơi nhận:**

- Chủ đầu tư;
- Lưu VT, .....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**TRƯỞNG BAN**  
(Ký tên, đóng dấu)



(Trang 2)

**Chủ đầu tư phải thực hiện các nội dung sau đây:**

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Thực hiện thông báo khởi công xây dựng công trình theo quy định.
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa Điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi Điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng năm 2014 thì phải đề nghị Điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép.

**ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN GIẤY PHÉP**

1. Nội dung điều chỉnh/gia hạn: .....

(trường hợp trang 2 không đủ để ghi nội dung điều chỉnh/gia hạn thì nội dung này được ghi vào các trang tiếp theo đính kèm và là một phần không tách rời của giấy phép xây dựng).

2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép: .....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**TRƯỞNG BAN**  
(Ký tên, đóng dấu)

**QUY TRÌNH ĐÃ TÁI CẤU TRÚC**  
**QUY TRÌNH 04**

**Cấp Giấy phép di dời công trình**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4294/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2023  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

**I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ**

| STT | Tên hồ sơ   | Số lượng | Ghi chú                              |
|-----|---|----------|--------------------------------------|
| 1   | Đơn đề nghị cấp giấy phép di dời công trình <sup>(1)</sup><br>(Mẫu số 01 Phụ lục II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ).   | 01       | Bản chính                            |
| 2   | Các tài liệu theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 97 Luật Xây dựng năm 2014 <sup>(2)</sup> , gồm:  |          |                                      |
| 2.1 | - Giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất nơi công trình sẽ di dời đến và giấy tờ hợp pháp về sở hữu công trình theo quy định của pháp luật <sup>(3)</sup> .   | 01       | Bản sao có chứng thực hoặc bản chính |
| 2.2 | Bản vẽ hoàn công công trình (nếu có) hoặc bản vẽ thiết kế mô tả thực trạng công trình được di dời, gồm mặt bằng, mặt cắt móng và bản vẽ kết cấu chịu lực chính; bản vẽ tổng mặt bằng địa điểm công trình sẽ được di dời tới; bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng tại địa điểm công trình sẽ di dời đến <sup>(4)</sup> . | 02       | Bản chính                            |
| 2.3 | Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực thực hiện <sup>(5)</sup> .  | 01       | Bản chính                            |
| 2.4 | Phương án di dời do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực thực hiện gồm <sup>(6)</sup> :<br>- Phần thuyết minh về hiện trạng công trình và  | 02       | Bản chính                            |

<sup>(1)</sup> Theo khoản 1 Điều 48 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

<sup>(2)</sup> Theo khoản 2 Điều 48 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

<sup>(3)</sup> Theo khoản 2 Điều 97 Luật Xây dựng năm 2014.

<sup>(4)</sup> Theo khoản 3 Điều 97 Luật Xây dựng năm 2014.

<sup>(5)</sup> Theo khoản 4 Điều 97 Luật Xây dựng năm 2014.

<sup>(6)</sup> Theo khoản 5 Điều 97 Luật Xây dựng năm 2014.

|  |  |  |  |
|--|--|--|--|
|  | <p>khu vực công trình sẽ được di dời đến; giải pháp di dời, phương án bố trí sử dụng phương tiện, thiết bị, nhân lực; giải pháp bảo đảm an toàn cho công trình, người, máy móc, thiết bị và công trình lân cận; bảo đảm vệ sinh môi trường; tiến độ di dời; tổ chức, cá nhân thực hiện di dời công trình;</p> <p>- Phần bản vẽ biện pháp thi công di dời công trình.</p> |  |  |
|--|--|--|--|

**Lưu ý:**

- Bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép di dời phải tuân thủ quy định về quy cách hồ sơ thiết kế xây dựng<sup>(7)</sup>.
- Thiết kế xây dựng phải được thẩm định, phê duyệt theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014<sup>(8)</sup>.
- Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân phải phù hợp với loại, cấp công trình và công việc do mình thực hiện<sup>(9)</sup>.

**II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ**

| Nơi tiếp nhận và trả kết quả  | Thời gian xử lý   | Lệ phí                                 |
|---|---|--|
| Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ: Lô T2-3, đường D1, phường Tân Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. | Trong thời hạn 20 ngày làm việc <sup>(10)</sup> kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ. | 150.000 đồng/giấy phép <sup>(11)</sup> |

**III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC**

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm              | Thời gian      | Biểu mẫu/Kết quả        | Diễn giải                      |
|----------------|--------------------|--------------------------|----------------|-------------------------|--------------------------------|
| B1             | Nộp hồ sơ          | Đơn vị, tổ chức          | Giờ hành chính | Theo Mục I              | Thành phần hồ sơ theo Mục I.   |
|                | Kiểm tra hồ sơ     | Bộ phận tiếp nhận và trả |                | Theo Mục I<br>Theo BM01 | <b>1. Tiếp nhận trực tiếp:</b> |

<sup>(7)</sup> Theo Điều 33 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

<sup>(8)</sup> Theo khoản 5 Điều 79 Luật Xây dựng năm 2014.

<sup>(9)</sup> Theo Chương VIII Luật Xây dựng năm 2014 và Chương VI Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

<sup>(10)</sup> Theo điểm b khoản 36 Điều 1 Luật Xây dựng sửa đổi năm 2020.

<sup>(11)</sup> Theo Nghị quyết số 18/2017/NQ-HĐND ngày 07/02/2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa IX, kỳ họp thứ sáu.

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Biểu mẫu/Kết quả       | Diễn giải  |
|----------------|--------------------|-------------|-----------|------------------------|--|
|                |                    | kết quả     |           | Theo BM02<br>Theo BM03 | <p>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và chưa hợp lệ: hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM02.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả trao cho người nộp hồ sơ theo BM01. Chuyển sang bước B2.</p> <p>- Trường hợp không đúng thẩm quyền, không thuộc đối tượng, không đảm bảo tính pháp lý hoặc không hợp lệ: lập phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM03.</p> <p><b>2. Tiếp nhận qua Công Dịch vụ công trực tuyến:</b></p> <p>- Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính xác thực, hợp lệ (nếu có).</p> <p>- Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, Công chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận, cấp mã</p> |

| Bước công việc | Nội dung công việc             | Trách nhiệm                        | Thời gian                         | Biểu mẫu/Kết quả                    | Diễn giải   |
|----------------|--------------------------------|------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------|---|
|                |                                |                                    |                                   |                                     | <p>hồ sơ và xử lý hồ sơ theo quy trình.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định thì thông báo cho tổ chức, cá nhân qua tài khoản của tổ chức, cá nhân qua Cổng Dịch vụ công và hướng dẫn đầy đủ, cụ thể để tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo yêu cầu.</p> <p>=&gt; Thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, trừ thứ 7, chủ nhật.</p> <p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận và chuyển hồ sơ đến chuyên viên thụ lý hồ sơ Phòng Quản lý Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường.</p> |
| B2             | <b>Chuyển hồ sơ</b>            | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả   | 0,25 ngày làm việc (02 giờ)       | Theo Mục I Theo BM01                | Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo Phòng QHXDMT.   |
| B3             | <b>Xem xét hồ sơ, kiểm tra</b> | Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC | 7,5 ngày làm việc <sup>(12)</sup> | Theo Mục I; Theo BM01; Hồ sơ trình: | Trong thời hạn <b>07 ngày làm việc</b> kể từ ngày nhận được hồ  |

<sup>(12)</sup> Theo điểm c khoản 1 Điều 102 Luật Xây dựng năm 2014.

| Bước công việc | Nội dung công việc   | Trách nhiệm | Thời gian  | Biểu mẫu/Kết quả  | Diễn giải  |
|----------------|--|-------------|--|---|--|
|                | thực địa, lấy ý kiến của các cơ quan (nếu có), tổng hợp và đề xuất kết quả giải quyết TTHC |             | (đối với hồ sơ chưa hợp lệ).   | - Phiếu trình.<br>- Dự thảo văn bản thông báo yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.  | sơ, chuyên viên thụ lý hồ sơ tiến hành thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực địa, tổng hợp và đề xuất kết quả giải quyết TTHC. Khi thẩm định hồ sơ, chuyên viên xác định tài liệu còn thiếu, tài liệu không đúng theo quy định hoặc không đúng với thực tế: soạn Phiếu trình và dự thảo văn bản thông báo yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Chuyển sang bước B3.1 và B3.2. |
|                |  |             | 5 ngày làm việc <sup>(13)</sup> (đối với hồ sơ bổ sung chưa đáp ứng được yêu cầu). | Theo Mục I; Theo BM01; Hồ sơ trình:<br>- Phiếu trình.<br>- Dự thảo văn bản thông báo hướng dẫn tiếp tục hoàn thiện hồ sơ. | - Trường hợp hồ sơ bổ sung chưa đáp ứng được yêu cầu theo văn bản thông báo thì trong thời hạn <b>05 ngày làm việc</b> : soạn Phiếu trình và dự thảo văn bản thông báo hướng dẫn cho chủ đầu tư tiếp tục hoàn thiện hồ sơ. Chuyển sang bước B3.1 và B3.2.  |
|                |  |             | 3 ngày làm việc <sup>(14)</sup> (đối với hồ sơ bổ sung vẫn                         | Theo Mục I; Theo BM01; Hồ sơ trình:<br>- Phiếu trình.<br>- Dự thảo  | - Trường hợp việc bổ sung hồ sơ vẫn không đáp ứng được các nội dung theo thông báo thì trong thời hạn <b>03 ngày làm việc</b> : soạn   |

<sup>(13)</sup> Theo điểm c khoản 1 Điều 102 Luật Xây dựng năm 2014.

<sup>(14)</sup> Theo điểm c khoản 1 Điều 102 Luật Xây dựng năm 2014.

| Bước công việc | Nội dung công việc      | Trách nhiệm   | Thời gian                               | Biểu mẫu/Kết quả   | Diễn giải  |
|----------------|-------------------------|---|---|--|--|
|                |                         |   | không đáp ứng được yêu cầu)             | văn bản thông báo về lý do không cấp giấy phép xây dựng di dời công trình.   | Phiếu trình và dự thảo văn bản thông báo đến chủ đầu tư về lý do không cấp giấy phép xây dựng di dời công trình. Chuyển sang bước B3.1 và B3.2.  |
|                |                         |   | 15 ngày làm việc (đối với hồ sơ hợp lệ) | Theo Mục I;<br>Theo BM01;<br>Hồ sơ trình:<br>- Phiếu trình.<br>- Dự thảo giấy phép di dời công trình theo BM05.                                      | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: soạn Phiếu trình và dự thảo giấy phép di dời công trình. Chuyển sang bước B4.<br>- Trình Lãnh đạo Phòng Quản lý Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường xem xét, ký duyệt. |
| B3.1           | <b>Xem xét, ký nháy</b> | Lãnh đạo Phòng Quản lý Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường | 02 ngày làm việc                        | Theo mục I;<br>Theo BM01;<br>Hồ sơ trình:<br>- Phiếu trình.<br>- Văn bản bổ sung, hoàn thiện hồ sơ hoặc lý do không cấp giấy phép di dời công trình. | Lãnh đạo Phòng QHXDĐT xem xét hồ sơ ký nháy trình Lãnh đạo Ban Quản lý ký duyệt. Chuyển sang bước B3.2.  |
| B3.2           | <b>Ký duyệt</b>         | Lãnh đạo Ban Quản lý                                      | 02 ngày làm việc                        | Theo Mục I;<br>Theo BM01;<br>Hồ sơ trình:<br>- Phiếu trình.<br>- Văn bản bổ  | Xem xét ký duyệt hồ sơ của Lãnh đạo Ban Quản lý. Chuyển sang bước B6.  |

| <b>Bước công việc</b> | <b>Nội dung công việc</b>                | <b>Trách nhiệm</b>  | <b>Thời gian</b>            | <b>Biểu mẫu/Kết quả</b>   | <b>Diễn giải</b>  |
|-----------------------|--|---|-----------------------------|---|---|
|                       |  |   |                             | sung, hoàn thiện hồ sơ hoặc lý do không cấp giấy phép di dời công trình.                                |   |
| B4                    | <b>Xem xét, trình ký</b>                 | Lãnh đạo Phòng Quản lý Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường | 02 ngày làm việc            | Theo Mục I;<br>Theo BM01;<br>Hồ sơ trình:<br>- Phiếu trình.<br>- Giấy phép di dời công trình theo BM05. | - Lãnh đạo Phòng Quản lý Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường xem xét hồ sơ ký nháy trình Lãnh đạo Ban Quản lý ký duyệt giấy phép di dời công trình. Chuyển sang bước B5. |
| B5                    | <b>Ký duyệt</b>                          | Lãnh đạo Ban Quản lý                                      | 02 ngày làm việc            | Theo Mục I;<br>Theo BM01;<br>Hồ sơ trình:<br>- Phiếu trình.<br>- Giấy phép di dời công trình theo BM05. | - Xem xét ký duyệt hồ sơ giấy phép di dời công trình của Lãnh đạo Ban Quản lý. Chuyển sang bước B6.   |
| B6                    | <b>Phát hành văn bản</b>                 | Văn thư Ban Quản lý                                       | 0,25 ngày làm việc (02 giờ) | Kết quả giải quyết TTHC.  | - Lấy số, phô tô, đóng dấu và phát hành kết quả giải quyết TTHC. Chuyển sang bước B7.   |
| B7                    | <b>Trả kết quả, thống kê và theo dõi</b> | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý            | Theo Giấy hẹn               | Kết quả giải quyết TTHC.  | - Trả kết quả cho Tổ chức, đơn vị.<br>- Thống kê, theo dõi, lưu trữ hồ sơ theo quy định.  |



**Ghi chú:**

- Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng có trách nhiệm đối chiếu các điều kiện theo quy định của Luật này để gửi văn bản lấy ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước về những lĩnh vực liên quan đến công trình xây dựng theo quy định của pháp luật<sup>(1)</sup>.

- Trong thời gian 12 ngày đối với công trình kể từ ngày nhận được hồ sơ, các cơ quan quản lý nhà nước được hỏi ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về những nội dung thuộc chức năng quản lý của mình. Sau thời hạn trên, nếu các cơ quan này không có ý kiến thì được coi là đã đồng ý và phải chịu trách nhiệm về những nội dung thuộc chức năng quản lý của mình; cơ quan cấp giấy phép xây dựng căn cứ các quy định hiện hành để quyết định việc cấp giấy phép xây dựng<sup>(2)</sup> (Thời gian lấy ý kiến không tính vào thời gian xử lý giải quyết thủ tục hành chính).

**IV. BIỂU MẪU**

Các Biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc.

| STT | Mã hiệu | Tên Biểu mẫu   |
|-----|---------|--|
| 1   | BM 01   | Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).  |
| 2   | BM 02   | Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).  |
| 3   | BM 03   | Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018). |
| 4   | BM 04   | Đơn đề nghị cấp giấy phép di dời công trình (Mẫu số 01 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021).     |
| 7   | BM 05   | Giấy phép di dời công trình (Mẫu số 11 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021).                     |

**V. HỒ SƠ CẦN LƯU**

| STT | Mã hiệu | Tên biểu mẫu  |
|-----|---------|---|
| 1   | BM 01   | Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018). |
| 2   | BM 02   | Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018). |

<sup>(1)</sup> Theo điểm a khoản 36 Điều 1 Luật Xây dựng sửa đổi năm 2020.

<sup>(2)</sup> Theo điểm d khoản 1 Điều 102 Luật Xây dựng năm 2014.

|   |       |  |
|---|-------|--|
| 3 | BM 03 | Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018). |
| 4 |       | Theo Mục I.  |
| 5 |       | Kết quả giải quyết TTHC.   |
| 6 |       | Các hồ sơ bổ sung và hồ sơ khác theo quy định hiện hành (nếu có).  |

## VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 Luật Xây dựng (có hiệu lực từ ngày 01/01/2015);

- Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng (có hiệu lực từ ngày 01/01/2021);

- Luật số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 Luật Bảo vệ môi trường (có hiệu lực từ ngày 01/01/2022);

- Nghị định 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy (có hiệu lực từ ngày 10/01/2021);

- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

- Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường; Thông tư số 04/2023/TT-BTNMT ngày 06/7/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy

định ngưng hiệu lực thi hành khoản 1 Điều 7 và khoản 2 Điều 75 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022;

- Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

- Nghị quyết số 18/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và Công văn số 11042/SXD-VP ngày 12/9/2018 của Sở Xây dựng;

- Quyết định số 1324/QĐ-UBND ngày 22/4/2022 về công bố danh mục thủ tục hành chính các lĩnh vực Hoạt động xây dựng; Quản lý chất lượng công trình xây dựng; Lao động tiền lương; Người nước ngoài làm việc tại Việt Nam; Thương mại quốc tế thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao;

- Quyết định số 26/2017/QĐ-UBND ngày 20/6/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về Quy định một số nội dung về cấp phép xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

**BM 01**

*(Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP  
ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ)*

TÊN CẤP TỈNH (hoặc) BỘ,  
NGÀNH/CẤP HUYỆN/CẤP XÃ  
**TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH  
CHÍNH CÔNG (hoặc) BỘ PHẬN TIẾP  
NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../TPVHCC (BPTNTKQ)

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ**

**Mã hồ sơ:.....**

Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả: .....

Tiếp nhận hồ sơ của: .....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại: ..... Email: .....

Nội dung yêu cầu giải quyết: .....

Thành phần hồ sơ nộp gồm:

1 .....

2 .....

3 .....

4 .....

Số lượng hồ sơ: ..... (bộ)

Thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định là: ..... ngày

Thời gian nhận hồ sơ: ....giờ.... phút, ngày ... tháng ...năm....

Thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ:.... giờ..., phút, ngày ... tháng....năm....

Đăng ký nhận kết quả tại: .....

Vào Sổ theo dõi hồ sơ, Quyển số: ..... Số thứ tự.....

**NGƯỜI NỘP HỒ SƠ**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*(Chữ ký số của Người tiếp nhận hồ sơ nếu là  
biểu mẫu điện tử)*

***Ghi chú:***

- Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả được lập thành 2 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa;

- Tổ chức, cá nhân có thể đăng ký nhận kết quả tại Bộ phận Một cửa hoặc tại nhà (trụ sở tổ chức) qua dịch vụ bưu chính.

**BM 02**

*(Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ)*

TÊN CẤP TỈNH (hoặc) BỘ,  
NGÀNH/CẤP HUYỆN/CẤP XÃ  
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH  
CHÍNH CÔNG (hoặc) BỘ PHẬN TIẾP  
NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../HDHS

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**PHIẾU YÊU CẦU BỔ SUNG, HOÀN THIỆN HỒ SƠ**

Hồ sơ của:.....

Nội dung yêu cầu giải quyết: .....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại: ..... Email: .....

Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ gồm những nội dung sau:

1.....

Lý do: .....

Trong quá trình hoàn thiện hồ sơ nếu có vướng mắc, Ông/Bà liên hệ với  
..... số điện thoại ..... để được hướng dẫn./.

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*  
*(Chữ ký số của Người hướng dẫn nếu là*  
*biểu mẫu điện tử)*

**BM 03**

*(Mẫu số 03 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP  
ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ)*

TÊN CẤP TỈNH (hoặc) BỘ,  
NGÀNH/CẤP HUYỆN/CẤP XÃ  
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH  
CHÍNH CÔNG (hoặc) BỘ PHẬN TIẾP  
NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TTPVHCC (BPTNTKQ)

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**PHIẾU TỪ CHỐI TIẾP NHẬN GIẢI QUYẾT HỒ SƠ**

Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa: .....

Tiếp nhận hồ sơ của: .....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại: ..... Email: .....

Nội dung yêu cầu giải quyết:.....

Qua xem xét, Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thông báo không tiếp nhận, giải quyết hồ sơ này với lý do cụ thể như sau: .....

.....

.....

.....

Xin thông báo cho Ông/Bà được biết và thực hiện./.

**NGƯỜI NỘP HỒ SƠ**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*(Chữ ký số của Người tiếp nhận hồ sơ nếu  
là biểu mẫu điện tử)*

**Ghi chú:** Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Phiếu được lập thành 2 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả.



**BM 04**

(Mẫu số 01 tại Phụ lục II kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP  
ngày 03/3/2021 của Chính phủ)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP DI DỜI**

(Sử dụng cho công trình: Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Nhà ở riêng lẻ/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án/Di dời công trình)

Kính gửi: .....

## 1. Thông tin về chủ đầu tư:

- Tên chủ đầu tư (tên chủ hộ): .....

- Người đại diện: ..... Chức vụ (nếu có): .....

- Địa chỉ liên hệ: số nhà: ..... đường/phố: .....

phường/xã: ..... quận/huyện: ..... tỉnh/thành phố: .....

- Số điện thoại: .....

## 2. Thông tin công trình:

- Địa điểm xây dựng:

Lô đất số: ..... Diện tích ..... m<sup>2</sup>.

Tại số nhà: ..... đường/phố .....

phường/xã: ..... quận/huyện: ..... tỉnh, thành phố:

.....

## 3. Tổ chức/cá nhân lập, thẩm tra thiết kế xây dựng:

## 3.1. Tổ chức/cá nhân lập thiết kế xây dựng:

- Tên tổ chức/cá nhân: Mã số chứng chỉ năng lực/hành nghề:

- Tên và mã số chứng chỉ hành nghề của các chủ nhiệm, chủ trì thiết kế:

3.2. Tổ chức/cá nhân thẩm tra thiết kế xây dựng:

- Tên tổ chức/cá nhân: Mã số chứng chỉ năng lực/hành nghề:

- Tên và mã số chứng chỉ hành nghề của các chủ trì thẩm tra thiết kế:.....

4. Nội dung đề nghị cấp phép:

4.1. Đối với công trình không theo tuyến, tín ngưỡng, tôn giáo:

- Loại công trình: .....Cấp công trình: .....

- Diện tích xây dựng: .....m<sup>2</sup>.

- Cốt xây dựng: .....m.

- Tổng diện tích sàn (đối với công trình dân dụng và công trình có kết cấu dạng nhà):..... m<sup>2</sup> (ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).

- Chiều cao công trình: .....m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum - nếu có).

- Số tầng: .....(ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum - nếu có).

4.2. Đối với công trình theo tuyến trong đô thị:

- Loại công trình: .....Cấp công trình: .....

- Tổng chiều dài công trình: .....m (ghi rõ chiều dài qua từng khu vực đặc thù, qua từng địa giới hành chính xã, phường, quận, huyện, tỉnh, thành phố).

- Cốt của công trình: .....m (ghi rõ cốt qua từng khu vực).

- Chiều cao tính không của tuyến: .....m (ghi rõ chiều cao qua các khu vực).

- Độ sâu công trình: .....m (ghi rõ độ sâu qua từng khu vực).

4.3. Đối với công trình tượng đài, tranh hoành tráng:

- Loại công trình: ..... Cấp công trình: .....

- Diện tích xây dựng: .....m<sup>2</sup>.

- Cốt xây dựng: .....m.

- Chiều cao công trình: .....m.

## 4.4. Đối với công trình nhà ở riêng lẻ:

- Cấp công trình: .....

- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): .....m<sup>2</sup>.

- Tổng diện tích sàn: .....m<sup>2</sup> (trong đó ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).

- Chiều cao công trình: .....m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).

- Số tầng: (trong đó ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).

## 4.5. Đối với trường hợp cải tạo, sửa chữa:

- Loại công trình: .....Cấp công trình: .....

- Các nội dung theo quy định tại mục 4.1; 4.2; 4.3; 4.4 tương ứng với loại công trình.

## 4.6. Đối với trường hợp cấp giấy phép theo giai đoạn:

- Giai đoạn 1:

+ Loại công trình: .....Cấp công trình:

.....

+ Các nội dung theo quy định tại mục 4.1; 4.2; 4.3; 4.4 tương ứng với loại và giai đoạn 1 của công trình.

- Giai đoạn 2:

Các nội dung theo quy định tại mục 4.1; 4.2; 4.3; 4.4 tương ứng với loại và giai đoạn 1 của công trình.

- Giai đoạn ...

## 4.7. Đối với trường hợp cấp cho Dự án:

- Tên dự án: .....

Đã được: .....phê duyệt, theo Quyết định số: .....ngày .....

- Gồm: (n) công trình

Trong đó:

Công trình số (1-n): (tên công trình)

\* Loại công trình: ..... Cấp công trình: .....

\* Các thông tin chủ yếu của công trình: .....

4.8. Đối với trường hợp di dời công trình:

- Công trình cần di dời:

- Loại công trình: ..... Cấp công trình: .....

- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): ..... m<sup>2</sup>.

- Tổng diện tích sàn: .....m<sup>2</sup>.

- Chiều cao công trình: .....m.

- Địa điểm công trình di dời đến:

Lô đất số:.....Diện tích..... m<sup>2</sup>.

Tại: ..... đường: .....

phường (xã) ..... quận (huyện) .....

tỉnh, thành phố: .....

- Số tầng: .....

5. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình: .....tháng.

6. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

1 -

2 -

....., ngày .... tháng .... năm.....  
**NGƯỜI LÀM ĐƠN/ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ**  
 (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

**BM 05**

*(Mẫu số 11 tại Phụ lục II kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP  
ngày 03/3/2021 của Chính phủ)*

**CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP  
XÂY DỰNG...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

.....  
.....  
....., ngày.....tháng.... năm....

**GIẤY PHÉP DI DỜI CÔNG TRÌNH**

Số: /GPDDCT

1. Cấp cho: .....

- Địa chỉ:

Số nhà: .....đường (phố): .....

phường (xã):..... quận (huyện).....

tỉnh/thành phố: .....

2. Được phép di dời công trình:

- Tên công trình:.....

- Từ địa điểm: *(ghi rõ lô đất, địa chỉ)*

- Quy mô công trình: *(diện tích mặt bằng, chiều cao công trình)*

- Tới địa điểm: ..... *(ghi rõ lô đất, địa chỉ)*

- Lô đất di dời đến: *(diện tích, ranh giới)*

- Cốt nền công trình di dời đến: .....

- Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng: .....

3. Thời gian di dời: Từ .....đến .....

4. Nếu quá thời hạn quy định tại giấy phép này phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

**Nơi nhận:**

- Chủ đầu tư;
- Lưu: VT,...

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN  
CẤP GIẤY PHÉP DI DỜI**

*(Ký tên, đóng dấu)*

(Trang 2)

**CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:**

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kế.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Thực hiện thông báo khởi công xây dựng công trình theo quy định.
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng năm 2014 thì phải đề nghị cấp giấy phép di dời và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép.

**ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN GIẤY PHÉP**

1. Nội dung điều chỉnh/gia hạn: .....
2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép: .....

..., ngày... tháng ... năm ...  
**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN  
CẤP GIẤY PHÉP DI DỜI**  
(Ký tên, đóng dấu)

**QUY TRÌNH ĐÃ TÁI CẤU TRÚC**  
**QUY TRÌNH 05**

**Cấp điều chỉnh Giấy phép xây dựng**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4294/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2023  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

**I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ**

| STT | Tên hồ sơ   | Số lượng | Ghi chú   |
|-----|---|----------|-----------|
| 1   | Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng <sup>(1)</sup> (Mẫu số 02 Phụ lục II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ).  | 01       | Bản chính |
| 2   | Giấy phép xây dựng đã được cấp <sup>(2)</sup> .   | 01       | Bản chính |
| 3   | Bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ thiết kế xây dựng điều chỉnh triển khai sau thiết kế cơ sở được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng tương ứng theo quy định tại Điều 43, Điều 44, Điều 45, Điều 46 hoặc Điều 47 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ <sup>(3)</sup> . | 02       | Bản chính |
| 4   | Báo cáo kết quả thẩm định và văn bản phê duyệt thiết kế xây dựng điều chỉnh (trừ nhà ở riêng lẻ) của chủ đầu tư, trong đó phải có nội dung về bảo đảm an toàn chịu lực, an toàn phòng, chống cháy, nổ, bảo vệ môi trường <sup>(4)</sup> .   | 01       | Bản chính |

**Lưu ý:**

- Trong quá trình xây dựng, trường hợp có điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung dưới đây thì chủ đầu tư phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng:

+ Thay đổi hình khối kiến trúc mặt ngoài của công trình đối với công trình trong đô thị thuộc khu vực có yêu cầu về quản lý kiến trúc;

+ Thay đổi một trong các yếu tố về vị trí, diện tích xây dựng; quy mô, chiều cao, số tầng của công trình và các yếu tố khác ảnh hưởng đến kết cấu chịu lực chính;

<sup>(1)</sup> Theo điểm a khoản 2 Điều 51 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

<sup>(2)</sup> Theo điểm b khoản 2 Điều 51 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

<sup>(3)</sup> Theo điểm c khoản 2 Điều 51 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

<sup>(4)</sup> Theo điểm d khoản 2 Điều 51 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

+ Khi điều chỉnh thiết kế bên trong công trình làm thay đổi công năng sử dụng làm ảnh hưởng đến an toàn, phòng, chống cháy, nổ, bảo vệ môi trường.

- Trường hợp xây dựng sai với giấy phép xây dựng được cấp thì phải bị xử lý vi phạm theo quy định hiện hành trước khi đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng.

- Bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng phải tuân thủ quy định về quy cách hồ sơ thiết kế xây dựng<sup>(5)</sup>.

- Thiết kế xây dựng phải được thẩm định, phê duyệt theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014<sup>(6)</sup>.

- Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân phải phù hợp với loại, cấp công trình và công việc do mình thực hiện<sup>(7)</sup>.

## II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

| Nơi tiếp nhận và trả kết quả  | Thời gian xử lý  | Lệ phí                               |
|---|--|--------------------------------------|
| Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ: Lô T2-3, đường D1, phường Tân Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. | Trong thời hạn 20 ngày làm việc <sup>(8)</sup> kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ. | 15.000 đồng/giấy phép <sup>(9)</sup> |

## III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm                      | Thời gian      | Biểu mẫu/Kết quả                                  | Diễn giải  |
|----------------|--------------------|----------------------------------|----------------|---|--|
| B1             | Nộp hồ sơ          | Đơn vị, tổ chức                  | Giờ hành chính | Theo Mục I  | Thành phần hồ sơ theo Mục I.   |
|                | Kiểm tra hồ sơ     | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả |                | Theo Mục I<br>Theo BM01<br>Theo BM02<br>Theo BM03 | <b>1. Tiếp nhận trực tiếp:</b><br>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và chưa hợp lệ: hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do |

<sup>(5)</sup> Theo Điều 33 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

<sup>(6)</sup> Theo khoản 5 Điều 79 Luật Xây dựng năm 2014.

<sup>(7)</sup> Theo Chương VIII Luật Xây dựng năm 2014 và Chương VI Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

<sup>(8)</sup> Theo điểm b khoản 36 Điều 1 Luật Xây dựng sửa đổi năm 2020.

<sup>(9)</sup> Theo Nghị quyết số 18/2017/NQ-HĐND ngày 07/02/2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa IX, kỳ họp thứ sáu.



| Bước công việc | Nội dung công việc | Trách nhiệm | Thời gian | Biểu mẫu/Kết quả | Diễn giải   |
|----------------|--------------------|-------------|-----------|------------------|---|
|                |                    |             |           |                  | <p>theo BM02.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả trao cho người nộp hồ sơ theo BM01. Chuyển sang bước B2.</li> <li>- Trường hợp không đúng thẩm quyền, không thuộc đối tượng, không đảm bảo tính pháp lý hoặc không hợp lệ: lập phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM03.</li> </ul> <p><b>2. Tiếp nhận qua Công Dịch vụ công trực tuyến:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính xác thực, hợp lệ (nếu có).</li> <li>- Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, Công chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận, cấp mã hồ sơ và xử lý hồ sơ theo quy trình.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định thì thông báo cho tổ chức, cá</li> </ul> |

| Bước công việc | Nội dung công việc   | Trách nhiệm                        | Thời gian  | Biểu mẫu/Kết quả  | Diễn giải   |
|----------------|--|------------------------------------|--|---|---|
|                |  |                                    |  |   | <p>nhân qua tài khoản của tổ chức, cá nhân qua Công Dịch vụ công và hướng dẫn đầy đủ, cụ thể để tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo yêu cầu.</p> <p>=&gt; Thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, trừ thứ 7, chủ nhật.</p> <p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận và chuyển hồ sơ đến chuyên viên thụ lý hồ sơ Phòng Quản lý Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường.</p> |
| B2             | <b>Chuyển hồ sơ</b>  | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả   | 0,25 ngày làm việc (02 giờ)                                    | Theo Mục I Theo BM01  | Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo Phòng Quản lý Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường.   |
| B3             | <b>Xem xét hồ sơ, kiểm tra thực địa, lấy ý kiến của các cơ quan (nếu có), tổng hợp</b> | Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC | 7,5 ngày làm việc <sup>(10)</sup> (đối với hồ sơ chưa hợp lệ). | Theo Mục I; Theo BM01; Hồ sơ trình:<br>- Phiếu trình.<br>- Dự thảo văn bản thông báo yêu cầu bổ | Trong thời hạn <b>07 ngày làm việc</b> kể từ ngày nhận được hồ sơ, chuyên viên thụ lý hồ sơ tiến hành thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực địa, tổng hợp và đề xuất kết quả giải quyết TTHC. Khi  |

<sup>(10)</sup> Theo điểm c khoản 1 Điều 102 Luật Xây dựng năm 2014.

| Bước công việc | Nội dung công việc                 | Trách nhiệm | Thời gian  | Biểu mẫu/Kết quả   | Diễn giải   |
|----------------|------------------------------------|-------------|--|--|---|
|                | và đề xuất kết quả giải quyết TTHC |             |  | sung, hoàn chỉnh hồ sơ.  | thẩm định hồ sơ, chuyên viên xác định tài liệu còn thiếu, tài liệu không đúng theo quy định hoặc không đúng với thực tế: soạn Phiếu trình và dự thảo văn bản thông báo yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Chuyển sang bước B3.1 và B3.2.                  |
|                |                                    |             | 5 ngày làm việc <sup>(11)</sup> (đối với hồ sơ bổ sung chưa đáp ứng được yêu cầu).     | Theo Mục I; Theo BM01; Hồ sơ trình:<br>- Phiếu trình.<br>- Dự thảo văn bản thông báo hướng dẫn tiếp tục hoàn thiện hồ sơ.        | - Trường hợp hồ sơ bổ sung chưa đáp ứng được yêu cầu theo văn bản thông báo thì trong thời hạn <b>05 ngày làm việc</b> : soạn Phiếu trình và dự thảo văn bản thông báo hướng dẫn cho chủ đầu tư tiếp tục hoàn thiện hồ sơ. Chuyển sang bước B3.1 và B3.2. |
|                |                                    |             | 3 ngày làm việc <sup>(12)</sup> (đối với hồ sơ bổ sung vẫn không đáp ứng được yêu cầu) | Theo Mục I; Theo BM01; Hồ sơ trình:<br>- Phiếu trình.<br>- Dự thảo văn bản thông báo về lý do không cấp điều chỉnh giấy phép xây | - Trường hợp việc bổ sung hồ sơ vẫn không đáp ứng được các nội dung theo thông báo thì trong thời hạn <b>03 ngày làm việc</b> : soạn Phiếu trình và dự thảo văn bản thông báo đến chủ đầu tư về lý do không cấp điều chỉnh giấy phép. Chuyển sang bước    |

<sup>(11)</sup> Theo điểm c khoản 1 Điều 102 Luật Xây dựng năm 2014.

<sup>(12)</sup> Theo điểm c khoản 1 Điều 102 Luật Xây dựng năm 2014.

| <b>Bước công việc</b> | <b>Nội dung công việc</b> | <b>Trách nhiệm</b>   | <b>Thời gian</b>                        | <b>Biểu mẫu/Kết quả</b>  | <b>Diễn giải</b>  |
|-----------------------|---------------------------|--|---|--|---|
|                       |                           |  |   | dựng.  | B3.1 và B3.2.   |
|                       |                           |  | 15 ngày làm việc (đối với hồ sơ hợp lệ) | Theo Mục I;<br>Theo BM01;<br>Hồ sơ trình:<br>- Phiếu trình.<br>- Dự thảo điều chỉnh giấy phép xây dựng theo BM05.                                      | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: soạn Phiếu trình và dự thảo điều chỉnh giấy phép xây dựng. Chuyển sang bước B4.<br>- Trình Lãnh đạo Phòng Quản lý Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường. xem xét, ký duyệt. |
| B3.1                  | <b>Xem xét, ký nháy</b>   | Lãnh đạo Phòng Quản lý Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường. | 02 ngày làm việc                        | Theo mục I;<br>Theo BM01;<br>Hồ sơ trình:<br>- Phiếu trình.<br>- Văn bản bổ sung, hoàn thiện hồ sơ hoặc lý do không cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng. | Lãnh đạo Phòng Quản lý Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường. xem xét hồ sơ ký nháy trình Lãnh đạo Ban Quản lý ký duyệt. Chuyển sang bước B3.2.  |
| B3.2                  | <b>Ký duyệt</b>           | Lãnh đạo Ban Quản lý                                       | 02 ngày làm việc                        | Theo Mục I;<br>Theo BM01;<br>Hồ sơ trình:<br>- Phiếu trình.<br>- Văn bản bổ sung, hoàn thiện hồ sơ hoặc lý do không cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng. | Xem xét ký duyệt hồ sơ của Lãnh đạo Ban Quản lý. Chuyển sang bước B6.   |

| Bước công việc | Nội dung công việc                       | Trách nhiệm  | Thời gian                   | Biểu mẫu/Kết quả  | Diễn giải   |
|----------------|--|--|-----------------------------|---|---|
| B4             | <b>Xem xét, trình ký</b>                 | Lãnh đạo Phòng Quản lý Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường. | 02 ngày làm việc            | Theo Mục I; Theo BM01; Hồ sơ trình:<br>- Phiếu trình.<br>- Điều chỉnh giấy phép xây dựng theo BM05. | - Lãnh đạo Phòng Quản lý Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường xem xét hồ sơ ký nháy trình Lãnh đạo Ban Quản lý ký duyệt điều chỉnh giấy phép xây dựng. Chuyển sang bước B5. |
| B5             | <b>Ký duyệt</b>                          | Lãnh đạo Ban Quản lý                                       | 02 ngày làm việc            | Theo Mục I; Theo BM01; Hồ sơ trình:<br>- Phiếu trình.<br>- Điều chỉnh giấy phép xây dựng theo BM05. | - Xem xét ký duyệt hồ sơ điều chỉnh giấy phép xây dựng của Lãnh đạo Ban Quản lý. Chuyển sang bước B6.   |
| B6             | <b>Phát hành văn bản</b>                 | Văn thư Ban Quản lý  | 0,25 ngày làm việc (02 giờ) | Kết quả giải quyết TTHC.  | - Lấy số, phô tô, đóng dấu và phát hành kết quả giải quyết TTHC. Chuyển sang bước B7.   |
| B7             | <b>Trả kết quả, thống kê và theo dõi</b> | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý             | Theo Giấy hẹn               | Kết quả giải quyết TTHC.  | - Trả kết quả cho Tổ chức, đơn vị.<br>- Thống kê, theo dõi, lưu trữ hồ sơ theo quy định.  |

**Ghi chú:**

- Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng có trách nhiệm đối chiếu các điều kiện theo quy định của Luật này để gửi văn bản lấy ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước về những lĩnh vực liên quan đến công trình xây dựng theo quy định của pháp luật<sup>(13)</sup>.

- Trong thời gian 12 ngày đối với công trình kể từ ngày nhận được hồ sơ, các cơ quan quản lý nhà nước được hỏi ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về

<sup>(13)</sup> Theo điểm a khoản 36 Điều 1 Luật Xây dựng sửa đổi năm 2020.

những nội dung thuộc chức năng quản lý của mình. Sau thời hạn trên, nếu các cơ quan này không có ý kiến thì được coi là đã đồng ý và phải chịu trách nhiệm về những nội dung thuộc chức năng quản lý của mình; cơ quan cấp giấy phép xây dựng căn cứ các quy định hiện hành để quyết định việc cấp giấy phép xây dựng<sup>(14)</sup> (Thời gian lấy ý kiến không tính vào thời gian xử lý giải quyết thủ tục hành chính).

#### IV. BIỂU MẪU

Các Biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc.

| STT | Mã hiệu | Tên Biểu mẫu   |
|-----|---------|--|
| 1   | BM 01   | Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).  |
| 2   | BM 02   | Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).  |
| 3   | BM 03   | Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018). |
| 4   | BM 04   | Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng (Mẫu số 02 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021)               |
| 5   | BM 05   | Điều chỉnh Giấy phép xây dựng (Mẫu số 08 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021)                    |

#### V. HỒ SƠ CẦN LƯU

| STT | Mã hiệu | Tên biểu mẫu   |
|-----|---------|--|
| 1   | BM 01   | Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).  |
| 2   | BM 02   | Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).  |
| 3   | BM 03   | Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018). |
| 4   |         | Theo Mục I.  |
| 5   |         | Kết quả giải quyết TTHC.   |
| 6   |         | Các hồ sơ bổ sung và hồ sơ khác theo quy định hiện hành (nếu có).  |

<sup>(14)</sup> Theo điểm đ khoản 1 Điều 102 Luật Xây dựng năm 2014.

## VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 Luật Xây dựng (có hiệu lực từ ngày 01/01/2015);
- Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng (có hiệu lực từ ngày 01/01/2021);
- Luật số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 Luật Bảo vệ môi trường (có hiệu lực từ ngày 01/01/2022);
- Nghị định 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy (có hiệu lực từ ngày 10/01/2021);
- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;
- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;
- Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường; Thông tư số 04/2023/TT-BTNMT ngày 06/7/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định ngưng hiệu lực thi hành khoản 1 Điều 7 và khoản 2 Điều 75 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022;
- Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý

nhà nước của Bộ Xây dựng;

- Nghị quyết số 18/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và Công văn số 11042/SXD-VP ngày 12/9/2018 của Sở Xây dựng;

- Quyết định số 1324/QĐ-UBND ngày 22/4/2022 về công bố danh mục thủ tục hành chính các lĩnh vực Hoạt động xây dựng; Quản lý chất lượng công trình xây dựng; Lao động tiền lương; Người nước ngoài làm việc tại Việt Nam; Thương mại quốc tế thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao;

- Quyết định số 26/2017/QĐ-UBND ngày 20/6/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về Quy định một số nội dung về cấp phép xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.



**BM 01**

*(Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ)*

TÊN CẤP TỈNH (hoặc) BỘ,  
NGÀNH/CẤP HUYỆN/CẤP XÃ  
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH  
CHÍNH CÔNG (hoặc) BỘ PHẬN TIẾP  
NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../TTPVHCC (BPTNTKQ)

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ**

**Mã hồ sơ:.....**

Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả:.....

Tiếp nhận hồ sơ của: .....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại: ..... Email: .....

Nội dung yêu cầu giải quyết: .....

Thành phần hồ sơ nộp gồm:

1 .....

2 .....

3 .....

4 .....

Số lượng hồ sơ: ..... (bộ)

Thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định là: ..... ngày

Thời gian nhận hồ sơ: ...giờ... phút, ngày ... tháng ...năm....

Thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ:... giờ..., phút, ngày ... tháng....năm....

Đăng ký nhận kết quả tại: .....

Vào Sổ theo dõi hồ sơ, Quyền số: ..... Số thứ tự.....

**NGƯỜI NỘP HỒ SƠ**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*(Chữ ký số của Người tiếp nhận hồ sơ nếu là biểu mẫu điện tử)*

***Ghi chú:***

- Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả được lập thành 2 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa;

- Tổ chức, cá nhân có thể đăng ký nhận kết quả tại Bộ phận Một cửa hoặc tại nhà (trụ sở tổ chức) qua dịch vụ bưu chính.

**BM 02**

*(Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP  
ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ)*

TÊN CẤP TỈNH (hoặc) BỘ,  
NGÀNH/CẤP HUYỆN/CẤP XÃ  
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH  
CHÍNH CÔNG (hoặc) BỘ PHẬN TIẾP  
NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../HDHS

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**PHIẾU YÊU CẦU BỔ SUNG, HOÀN THIỆN HỒ SƠ**

Hồ sơ của:.....

Nội dung yêu cầu giải quyết: .....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại: ..... Email: .....

Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ gồm những nội dung sau:

1.....

Lý do: .....

Trong quá trình hoàn thiện hồ sơ nếu có vướng mắc, Ông/Bà liên hệ với  
..... số điện thoại ..... để được hướng dẫn./.

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*(Chữ ký số của Người hướng dẫn nếu là  
biểu mẫu điện tử)*

**BM 03**

*(Mẫu số 03 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP  
ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ)*

TÊN CẤP TỈNH (hoặc) BỘ,  
NGÀNH/CẤP HUYỆN/CẤP XÃ  
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH  
CHÍNH CÔNG (hoặc) BỘ PHẬN TIẾP  
NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TTPVHCC (BPTNTKQ)

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**PHIẾU TỪ CHỐI TIẾP NHẬN GIẢI QUYẾT HỒ SƠ**

Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa: .....

Tiếp nhận hồ sơ của: .....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại: ..... Email: .....

Nội dung yêu cầu giải quyết:.....

Qua xem xét, Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thông báo không tiếp nhận, giải quyết hồ sơ này với lý do cụ thể như sau: .....

.....

.....

.....

Xin thông báo cho Ông/Bà được biết và thực hiện./.

**NGƯỜI NỘP HỒ SƠ**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*(Chữ ký số của Người tiếp nhận hồ sơ nếu  
là biểu mẫu điện tử)*

**Ghi chú:** Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Phiếu được lập thành 2 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả.

**BM 04**

*(Mẫu số 02 tại Phụ lục II kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP  
ngày 03/3/2021 của Chính phủ)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP XÂY DỰNG**

*(Sử dụng cho: Công trình)*

Kính gửi: .....

1. Tên chủ đầu tư (Chủ hộ): .....

- Người đại diện: .....Chức vụ:

- Địa chỉ liên hệ:

Số nhà: .....đường (phố)..... phường (xã) .....

quận (huyện) ..... tỉnh, thành phố: .....

- Số điện thoại: 2. Địa điểm xây dựng:

Lô đất số: .....Diện tích.....m<sup>2</sup>.

Tại: ..... đường: ..... phường (xã) ..... quận  
(huyện) ..... tỉnh, thành phố: .....

3. Giấy phép xây dựng đã được cấp: *(số, ngày, cơ quan cấp)*

Nội dung Giấy phép:

- .....

4. Nội dung đề nghị điều chỉnh so với Giấy phép đã được cấp *(hoặc lý do đề nghị gia hạn/cấp lại)*:

- .....

5. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình theo thiết kế điều chỉnh/gia hạn:  
.....tháng.

6. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng điều chỉnh giấy phép xây dựng được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

1 -

2 -

....., ngày ..... tháng .... năm.....

**NGƯỜI LÀM ĐƠN/ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))*

**BM 05**

*(Mẫu số 08 tại Phụ lục II kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP  
ngày 03/3/2021 của Chính phủ)*

**CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP  
XÂY DỰNG...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm*

**GIẤY PHÉP XÂY DỰNG**

Số: /GPXD

*(Sử dụng cấp cho dự án)*

1. Cấp cho: .....

- Địa chỉ: .....

Số nhà: ..... Đường (phố) ..... Phường (xã): ..... Quận (huyện) ..... Tỉnh, thành phố: ...

2. Được phép xây dựng các công trình thuộc dự án: .....

- Tổng số công trình: (n) công trình

- Công trình số (1-n): .....

*(Ghi theo nội dung tại các Mẫu số 1, 2, 3, 4, 5 .... phù hợp với từng loại công trình đề nghị cấp giấy phép xây dựng)*

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: .....

4. Ghi nhận các công trình đã khởi công:

- Công trình: .....

- Công trình: .....

5. Giấy phép có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

**Nơi nhận:**

- Chủ đầu tư;
- Lưu VT, .....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**TRƯỞNG BAN**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

(Trang 2)

**Chủ đầu tư phải thực hiện các nội dung sau đây:**

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Thực hiện thông báo khởi công xây dựng công trình theo quy định.
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa Điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi Điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng năm 2014 thì phải đề nghị Điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép.

**ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN GIẤY PHÉP**

1. Nội dung Điều chỉnh/gia hạn: .....
2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép: .....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**TRƯỞNG BAN**  
(Ký tên, đóng dấu)

(Xem tiếp Công báo số 254 + 255)

---

**VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: [tcb.ubnd@tphcm.gov.vn](mailto:tcb.ubnd@tphcm.gov.vn)

Website: [www.congbao.hochiminhcity.gov.vn](http://www.congbao.hochiminhcity.gov.vn)

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng